

# GIẢI PHÁP CHO QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

## 1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng

### 1.1. Quan điểm

Quá trình hội nhập được khởi đầu từ những năm 80, khi Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách đổi mới và mở cửa nền kinh tế. Nghị quyết đại hội Đảng IX khẳng định: “Xây dựng nền kinh độc lập tự chủ đi đôi với hội nhập kinh tế quốc tế. Kết hợp nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển kinh tế đất nước”.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đưa ra 1 trong 6 mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là: “Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết đa phương, song phương”.

Trong báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại biểu đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 khẳng định: “Mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”. Theo tinh thần của Đảng ta, hội nhập quốc tế về ngân hàng phải được thực hiện theo nguyên tắc chủ động, bảo đảm có sự kiểm soát quá trình hội nhập vào cộng đồng tài chính khu vực và thế giới; tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật của các nước và tổ chức quốc tế để từng bước đưa hoạt động ngân hàng đạt kết quả cao.

### 1.2. Mục tiêu

Mục tiêu quan trọng nhất của hội nhập quốc tế trong giai đoạn này là: cần giải quyết những vấn đề còn lại để hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam hòa nhập hoàn toàn vào hệ thống tài chính ngân hàng quốc tế. Hội nhập quốc tế đầy đủ cả về mặt kinh tế, cũng như tài chính ngân hàng. Hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ có một sức mạnh vượt trội cả về qui mô và chất lượng hoạt động và sẽ đóng vai trò nhất định trên thị trường tài chính quốc tế. Đến năm 2020, hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động theo chuẩn mực quốc tế hoàn toàn về quản lý, giám sát, công nghệ thông tin, sản phẩm dịch vụ ...

### **1.3 Định hướng**

Những nguyên tắc chỉ đạo trong quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng:

Một là, hội nhập quốc tế về ngân hàng cần chủ động đi từng bước vững chắc, tận dụng tốt các cơ hội và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các thách thức; kết hợp nội lực với ngoại lực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

Hai là, trong quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng phát huy tiềm năng và nguồn lực của các tổ chức tín dụng thuộc mọi thành phần sở hữu, trong đó các tổ chức tài chính – tín dụng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Ba là, hội nhập quốc tế về ngân hàng là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh; vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức. Do đó, cần tinh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp cụ thể; vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động; vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng.

Bốn là, chủ động hội nhập quốc tế về ngân hàng với hình thức và bước đi phù hợp. Vừa không chần chừ, do dự để lỡ mất thời cơ; vừa không chủ quan nôn nóng để mở cửa và hội nhập tràn lan mà thiếu sự chuẩn bị chu đáo, cần thiết.

Năm là, nhận thức đầy đủ đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam, hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, vừa đáp ứng các qui định của các tổ chức tài chính – tiền tệ khu vực và quốc tế.

### **2. Tầm nhìn và mục tiêu phát triển khu vực ngân hàng đến năm 2020**

Khu vực ngân hàng Việt Nam mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định sau khi trải qua hơn 20 năm đổi mới và phát triển, song trong giai đoạn phát triển tới cần phải hướng tới một nền tảng công nghệ ngân hàng sẵn sàng đối mặt với những thử thách của tự do hóa và toàn cầu hóa; phải tập trung phấn đấu nâng cao năng lực hoạt động và năng lực tài chính bắt kịp tốc độ phát triển của ngân hàng một số nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam đến 2020 phải đảm bảo phát triển một hệ thống ngân hàng hỗ trợ và đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế, một hệ thống ngân hàng năng động, cạnh tranh và vững mạnh: Thứ nhất, một định chế tài chính vững mạnh, đó phải là một định chế tài chính có năng lực quản lý rủi ro, kỹ năng tín dụng cũng như quản trị doanh nghiệp vững mạnh. Thứ hai, một hệ thống ngân hàng vững mạnh, ổn định và an toàn, đó là một hệ thống mà không gây ảnh hưởng đáng kể các chức năng trung gian và chức năng của nền kinh tế khi bị những cú sốc đột ngột bất lợi về tài chính và kinh tế xảy ra từ bên trong và bên ngoài. Để có một hệ thống ổn

định thì phải có các định chế tài chính hoạt động hiệu quả, vững mạnh, có các qui định quản lý thận trọng, cơ sở hạ tầng tài chính đáng tin cậy, có hệ thống thanh tra giám sát mạnh mẽ.

Khu vực ngân hàng sẽ phát triển ổn định, đa dạng, phát triển theo chiều sâu; đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, của xã hội về các sản phẩm dịch vụ tài chính; nâng cao vị thế, vai trò và tầm ảnh hưởng của khu vực ngân hàng trong nền kinh tế quốc dân, trong hệ thống tài chính của khu vực và thế giới.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam từ nay đến 2020 với mục tiêu là tiếp tục tạo ra những bước đột phá mới, xây dựng một hệ thống ngân hàng phát triển ổn định bền vững với quy mô ở mức trung bình thế giới và khu vực, đảm bảo sự ổn định thị trường tài chính. Thứ nhất, đối với NHNN cần thực thi CSTT hiệu quả, từng bước tiến tới tự do hóa thị trường tài chính, nâng cao năng lực thanh tra giám sát ở một cấp độ mới, chủ động với các công cụ CSTT mang tính thị trường; cần củng cố và nâng cao niềm tin của dân chúng đối với những động thái chính sách của NHNN, tập trung xây dựng và phát triển thành một NHTU với tầm nhìn, triển vọng vì lợi ích của khu vực tài chính. Thứ hai, đối với các NHTM cần nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị kinh doanh, xây dựng những điều kiện tín dụng mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) tiếp cận nguồn vốn, phát triển tín dụng vi mô, các phương thức ngân hàng mới để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn và những dịch vụ tài chính của nền kinh tế. Ngoài ra, các NHTM cần có những đổi mới mạnh mẽ trong mô hình tổ chức, mở rộng các hoạt động xuyên quốc gia và nếu đủ mạnh có thể từng bước thành lập một số tập đoàn tài chính.

### **3. Định hướng phát triển khu vực ngân hàng đến năm 2020**

#### **3.1 Những nhân tố chi phối xu hướng phát triển khu vực ngân hàng đến năm 2020**

Xu hướng phát triển của khu vực ngân hàng đến năm 2020 bị ảnh hưởng bởi những nhân tố sau:

Thứ nhất, thời gia qua với sự khủng hoảng tài chính toàn cầu, đặt ra vấn đề phải tái cơ cấu hệ thống tài chính của từng quốc gia và toàn cầu, theo một xu hướng tăng cường khả năng cảnh báo sớm và giám sát nhằm ngăn ngừa xảy ra những bất ổn.

Thứ hai, những bất ổn khó lường của thị trường toàn cầu ngày càng mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa ngày càng gia tăng; có sự tác động mạnh tới cách tiếp cận của các định chế tài chính, tới sự phát triển hệ thống tài chính trong nước và toàn cầu bởi sự tiến bộ công nghệ. Vì vậy, cần sự năng động của hệ thống tài chính,

đặc biệt là các định chế tài chính trong nước phải được vững mạnh và hiệu quả để phù hợp với tình hình mới.

Thứ ba, sự chuyển đổi môi trường và tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng đã tạo ra nhu cầu mới cũng như cơ hội cho các doanh nghiệp. Điều này đã đòi hỏi những dịch vụ tài chính hiệu quả.

Thứ tư, những tiến bộ về công nghệ cùng với kinh tế tri thức đã xác định lại các quy tắc của cuộc chơi và sự chuyển đổi môi trường mà các định chế tài chính hoạt động. Tùy thuộc vào năng lực của các định chế tài chính trong việc nhanh chóng thích nghi với môi trường mới, nắm bắt kịp thời những cơ hội mới mà nó tạo ra khả năng thu được những lợi ích trong môi trường cạnh tranh mới. Trong một môi trường mới như vậy, khả năng của các định chế tài chính trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ một cách hiệu quả nhất sẽ là chìa khóa xác định chức năng và phạm vi hoạt động của định chế tài chính.

Thứ năm, với sự vững mạnh ngày càng tăng của các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp sẽ là nhân tố chính để duy trì sự ổn định của cả hệ thống tài chính.

Xu hướng phát triển của khu vực ngân hàng ở Việt Nam đến năm 2020 cũng sẽ bị chi phối bởi xu hướng trên, vì: Thứ nhất, đòi hỏi Việt Nam phải chấp nhận luật chơi chung với khu vực và thế giới khi hội nhập kinh tế quốc tế. Thứ hai, kinh tế Việt Nam đến 2020 hướng tới một nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, điều này sẽ chi phối xu hướng phát triển hệ thống ngân hàng để thực hiện vai trò của khu vực ngân hàng đối với việc thực hiện mục tiêu trên.

### **3.2. Định hướng khu vực ngân hàng đến năm 2020**

Đến năm 2020 khó có thể xác định một cách chính xác cấu trúc của khu vực ngân hàng. Tuy nhiên, với những thực trạng hiện nay, định hướng của khu vực ngân hàng trong tương lai có thể dự kiến sẽ đạt được với những đặc trưng sau:

- Khu vực ngân hàng sẽ hình thành các định chế tài chính có cấu trúc như sau: Thứ nhất, là các định chế tài chính có qui mô vừa chủ yếu đáp ứng nhu cầu dịch vụ tài chính trong nước. Thứ hai, là các định chế tài chính có qui mô lớn có thể hoạt động xuyên quốc gia. Thứ ba, là các tổ chức tài chính vi mô nhằm góp phần tích cực cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của quốc gia.

- Nâng cao năng lực quản lý và giám sát, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng Việt Nam lên ngang tầm với trình độ của các ngân hàng trong khu vực và thế giới. Nâng cao vị thế của ngân hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Chủ động hội nhập ngân hàng quốc tế và mở cửa thị trường tài chính, tạo sân chơi bình đẳng đối với các ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam.

- Tạo cơ sở pháp lý vững chắc phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, thiết lập một môi trường pháp lý hoàn chỉnh để phát triển hệ thống ngân hàng làm tăng sức cạnh tranh của ngân hàng Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế, đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

- Đáp ứng được những yêu cầu ngày càng đa dạng trong cấu trúc kinh tế thông qua việc tăng tính đa dạng của khu vực ngân hàng.

- Năng lực thanh tra giám sát được nâng cao lên một cấp độ mới, hệ thống thanh tra giám sát được hoàn thiện theo hướng hợp nhất, mở rộng hợp tác và liên kết với các cơ quan thanh tra giám sát các bộ phận của thị trường tài chính trong nền kinh tế, trong khu vực và quốc tế ...

- Hình thành hệ thống ngân hàng vững mạnh. Để hình thành một hệ thống ngân hàng vững mạnh thì đòi hỏi hệ thống ngân hàng phải có: quy mô của ngân hàng phải đủ lớn; hệ thống mạng lưới rộng khắp, không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài; công nghệ ngân hàng hiện đại, tiên tiến; phải có một trình độ và hệ thống quản lý đúng tiêu chuẩn; hoạt động của ngân hàng phải có hiệu quả cao... Khi có một hệ thống ngân hàng vững mạnh thì chúng ta hoàn toàn có khả năng để cạnh tranh bình đẳng với các nước trong khu vực và thế giới.

- Hình thành các định chế tài chính đến với những chiến lược chiếm lĩnh những mảng thị trường riêng biệt, tạo ra một sức mạnh thị trường thích hợp đối với họ trong môi trường cạnh tranh trong khu vực ngân hàng ngày càng tăng.

- NHNN chủ động trong các quyết sách của mình, tạo dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho các TCTD phát triển, thực sự là người cầm lái trên thị trường tiền tệ.

#### **4. Những nguyên tắc hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam**

##### **4.1. Đảm bảo thực hiện đúng theo lộ trình đã cam kết**

“Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, WTO ...” – đây là nội dung đã nêu rõ trong nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX. Theo tinh thần đó, hội nhập quốc tế về ngân hàng phải được thực hiện theo nguyên tắc chủ động, bảo đảm có sự kiểm soát quá trình hội nhập vào cộng đồng tài chính khu vực và quốc tế, hợp tác có hiệu quả với các tổ chức tài chính, tiền tệ và hệ thống ngân hàng trong khu vực và thế giới.

Phải dần dần mở cửa thị trường với lộ trình hợp lý, tiến hành hội nhập từng bước bởi vì hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn còn mức chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới khi tham gia vào tiến trình hội nhập quốc tế. Lộ trình hội nhập quốc tế về ngân hàng phải nằm trong lộ trình hội nhập tổng thể của nền kinh tế, được xác định và thỏa thuận qua đàm phán đa phương và song phương trên cơ sở tận dụng các ưu đãi của WTO dành cho các nước kém phát triển và đang phát triển. Điều rất quan trọng là cần tính toán, xem xét nghiêm túc khả năng, điều kiện của hệ thống tài chính để đưa ra lộ trình hội nhập hợp lý. Vì với một lộ trình quá nóng về thời gian và mức độ mở cửa thị trường tài chính, tự do hóa, vượt quá khả năng chịu đựng của hệ thống tài chính, sẽ dẫn tới thua thiệt, đổ vỡ các tổ chức tài chính, vượt khỏi tầm kiểm soát của Nhà nước, kéo theo nhiều hậu quả khó lường.

#### ***4.2 Tôn trọng các nguyên tắc trong quá trình hội nhập về ngân hàng***

Trong quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng cần tôn trọng các nguyên tắc sau: Một là, mở cửa và nói lỏng các ràng buộc tài chính đối với ngân hàng nước ngoài, được tiến hành theo trình tự thích hợp. Hai là, xóa bỏ phân biệt đối xử và bảo hộ với các ngân hàng trong nước để tiến tới cơ chế tự do hóa áp dụng chung đối với các tổ chức tài chính nước ngoài. Ba là, phát huy và tận dụng tối đa vị thế của một nước đang phát triển trong đàm phán đa phương và song phương để được hưởng những ưu đãi, nhằm có đủ thời gian tăng cường sức mạnh cạnh tranh quốc tế và tái cơ cấu và của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Bốn là, phát triển hoạt động ngân hàng theo nguyên tắc hiệu quả, an toàn, bình đẳng và cùng có lợi, chấp nhận cạnh tranh.

### **5. Các nhóm giải pháp cho quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng ở Việt Nam đến năm 2020**

#### ***5.1. Nhóm giải pháp vĩ mô về tự do hoá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế về ngân hàng ở VN***

##### ***5.1.1. Giải pháp cho quá trình tự do hoá lãi suất***

Hiện nay, hoạt động lãi suất của nước ta còn ở mức độ tự do hóa thấp. Chúng ta đang quy định lãi suất thỏa thuận, song NHNN vẫn công bố lãi suất cơ bản hàng tháng (dựa trên lãi suất cho vay của 15 khách hàng kinh doanh hiệu quả nhất trong từng thời kỳ) để tham khảo và định hướng lãi suất thị trường; đồng thời chủ động áp dụng các biện pháp để kiểm soát biến động của lãi suất thị trường. Ngoài ra, vẫn còn có một đặc điểm ảnh hưởng không nhỏ đến tính hiệu quả của tự do hóa lãi suất, đó là thị phần tín dụng ưu đãi áp dụng mức lãi suất chính sách. Lãi suất đó chưa dựa vào quan hệ cung - cầu về vốn trên thị trường. Tuy nhiên, đây là một bước tiến dài trong hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ của NHNN theo lộ trình tiến dần tới tự do hoá lãi suất và

phù hợp với thông lệ quốc tế. Cần lường đón những thách thức có thể phát sinh khi thực hiện cơ chế lãi suất thoả thuận, đó là:

Thứ nhất, cạnh tranh lãi suất giữa các TCTD sẽ diễn ra quyết liệt hơn. Các TCTD qui mô lớn có ưu thế về vốn và thị phần sẽ có nhiều lợi thế hơn các TCTD có qui mô nhỏ, điều này sẽ làm cho thị trường tài chính còn non yếu của Việt Nam sẽ có những biến động khó lường, dẫn đến thua lỗ, phá sản ... Bên cạnh đó các TCTD sẽ đối mặt với mức rủi ro cao hơn trong hoạt động của mình do rủi ro lãi suất sẽ tăng lên. Ngoài ra, cuộc cạnh tranh không cân sức giữa các TCTD Việt Nam với các TCTD có yếu tố nước ngoài khi mà xóa bỏ dần những quy định hạn chế trong hoạt động kinh doanh của các TCTD nước ngoài theo lộ trình đã cam kết.

Thứ hai, lãi suất sẽ dễ biến động theo cung cầu về vốn trên thị trường do thực hiện theo cơ chế lãi suất thị trường. Điều này một mặt có thể ảnh hưởng đến tâm lý của người sản xuất; mặt khác làm tăng rủi ro lãi suất, nghĩa là các TCTD sẽ đối mặt với mức rủi ro cao hơn trong hoạt động của mình.

Thứ ba, một số khu vực có nhu cầu về vốn chẳng hạn như khu vực nông nghiệp, nông thôn nhưng có độ rủi ro cao, nên khi thực hiện cơ chế lãi suất thoả thuận thì dẫn đến lãi suất trong khu vực này sẽ tăng lên, gây khó khăn cho khách hàng thuộc khu vực này trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Để thực hiện có hiệu quả cơ chế lãi suất thoả thuận của NHNN, tiến tới tự do hoá lãi suất, cần có các giải pháp sau:

- Giải pháp trước mắt của tiến trình tự do hoá lãi suất
- + Lấy lãi suất hình thành trên các thị trường làm cơ sở để xác định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam

Vì Ngân hàng Nhà nước vẫn tiếp tục công bố lãi suất cơ bản để tham khảo và định hướng lãi suất thị trường; đồng thời chủ động áp dụng các biện pháp để kiểm soát biến động của lãi suất thị trường (mặc dù hiện nay là cơ chế lãi suất thoả thuận). Như vậy lãi suất cơ bản một phần ít nhiều nó cũng định hướng lãi suất thị trường. Do vậy, cần xác định lại lãi suất cơ bản. Lãi suất cơ bản đối với cho vay bằng đồng Việt Nam hiện nay trên thị trường được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay đối với khách hàng tốt nhất (có chất lượng uy tín) của 15 NHTM, nên các mức lãi suất này chưa phản ánh đúng một cách chính xác lãi suất cho vay phổ biến tốt nhất cho toàn bộ hệ thống ngân hàng. Theo kinh nghiệm một số nước thì lãi suất cơ bản thường được xác định dựa trên lãi suất hình thành trên các thị trường tiền tệ như: thị trường liên ngân hàng, thị trường mở, thị trường trái phiếu, tín phiếu kho bạc Nhà nước ... Vì vậy trong thời gian tới

đây, chúng ta cần phải củng cố hoạt động của các thị trường này, để lấy mức lãi suất làm cơ sở để xác định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt nam.

+ Chính phủ nên chấm dứt hoàn toàn việc phát hành tín phiếu, trái phiếu kho bạc Nhà nước trực tiếp đối với dân chúng với lãi suất cố định, mà thực hiện đấu thầu trái phiếu, tín phiếu qua NHNN và thị trường chứng khoán.

Điều này nhằm hình thành lãi suất của các công cụ nợ của Chính phủ trên cơ sở thị trường và quan hệ cung - cầu vốn. Tránh việc cạnh tranh không lành mạnh giữa lãi suất tín dụng Nhà nước và lãi suất kinh doanh của các tổ chức tín dụng, đồng thời tiết kiệm chi phí cho Ngân sách Nhà nước.

+ Sử dụng vị trí vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội Ngân hàng trong việc phối hợp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất kinh doanh của các tổ chức tín dụng, tạo lập môi trường pháp lý lành mạnh.

+ Củng cố hoạt động của các công cụ trên thị trường tiền tệ

Củng cố và phát triển thị trường tiền tệ để NHNN có thể điều tiết thị trường tiền tệ nhanh nhạy bằng các công cụ gián tiếp như: Nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc...

- Giải pháp lâu dài của tiến trình tự do hoá lãi suất

+ Tách hoàn toàn hoạt động cho vay chính sách ra khỏi các hoạt động cho vay thương mại của các NHTM.

Sở dĩ như vậy là vì việc tồn tại các mức lãi suất ưu đãi có ảnh hưởng tới các mức lãi suất cho vay thương mại của các trung gian tài chính.

+ Thả nổi lãi suất kì phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng

Khi kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường tài chính nói chung và thị trường tiền tệ liên ngân hàng phát triển, các công cụ của chính sách tiền tệ hoạt động có hiệu quả, thì mới thả nổi lãi suất kì phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng. Đây là khâu cuối cùng của quá trình tự do hóa lãi suất.

Theo qui định hiện hành, khi các tổ chức tín dụng muốn phát hành kỳ phiếu, trái phiếu ... phải có đề án xin phép NHNN trong đó đề cập cụ thể đến kế hoạch phát hành như: khối lượng huy động vốn, thời điểm phát hành, kết thúc, địa bàn phát hành ... đặc biệt là lãi suất huy động. Việc qui định như vậy để khi một tổ chức tín dụng huy động dưới hình thức này không gây ảnh hưởng đến nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tín dụng khác, không gây xáo trộn thị trường tiền tệ nói chung. Vì vậy, việc thả nổi lãi suất kỳ phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng chỉ nên thực hiện khi các yếu tố kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường tài chính nói chung và thị trường tiền tệ liên ngân hàng phát



triển, các công cụ của chính sách tiền tệ hoạt động có hiệu quả trong việc điều tiết thị trường tiền tệ.

+ Hoàn thiện cơ chế điều hành hệ thống lãi suất chỉ đạo.

Khi thị trường tiền tệ thực sự phát triển theo hướng ổn định và có đủ điều kiện để thực hiện tự do hóa lãi suất hoàn toàn, thì có thể bỏ cơ chế điều hành theo lãi suất cơ bản để chuyển hẳn sang cơ chế điều hành hệ thống lãi suất chỉ đạo của NHNN – lãi suất tái chiết khấu và lãi suất cho vay qua đêm.

Sau khi có biên độ lãi suất, thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận, thì vai trò của lãi suất cơ bản đối với cho vay bằng đồng Việt Nam thực chất chỉ mang tính chất hướng dẫn, tham khảo cho các tổ chức tín dụng, không còn vai trò kiểm soát và tác động trực tiếp đến lãi suất thị trường. Vì vậy, khi thị trường tiền tệ thực sự phát triển theo hướng ổn định và có đủ điều kiện để tự do hóa lãi suất hoàn toàn, cần phải chuyển sang cơ chế điều hành hệ thống lãi suất chỉ đạo của NHNN:

Thứ nhất, NHNN thực hiện tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng theo hình thức chiết khấu, tái chiết khấu, cho vay có bảo đảm bằng cầm cố hồ sơ tín dụng hoặc cầm cố thương phiếu hoặc các giấy tờ có giá ngắn hạn khác. Các hình thức này có thời hạn cho vay ngắn, có thể cho vay trong vài ba ngày, thậm chí cho vay qua đêm để bù đắp thiếu hụt khả năng thanh toán sau khi các tổ chức tín dụng đã thực hiện vay mượn lẫn nhau trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng. Lãi suất của các hình thức tái cấp vốn này do NHNN qui định, để thực hiện điều tiết và chỉ đạo mặt bằng lãi suất trên thị trường cũng như thực hiện vai trò NHNN là người cho vay cuối cùng. Lãi suất này được qui định từng thời kỳ theo mục tiêu của chính sách tiền tệ nói chung, có chú ý đến cung – cầu tín dụng trong nước và quốc tế, đặc biệt chú ý đến trên thị trường vốn và tỷ giá ngoại tệ.

Thứ hai, các tổ chức tín dụng có thể tự do và không hạn chế số lượng tiền gửi tại NHNN. Nhưng để hạn chế hoặc khuyến khích thì NHNN qui định mức lãi suất tiền gửi cao hay thấp, thậm chí lãi suất tiền gửi loại này có thể bằng không. Mức lãi suất tiền gửi luôn có khoảng cách nhất định với lãi suất tái chiết khấu và cho vay qua đêm nói trên.

Đối với hai loại lãi suất này, NHNN sẽ tạo ra khoảng giới hạn nhất định có tính chất khung lãi suất cho thị trường tiền tệ.

Thứ ba, lãi suất nghiệp vụ thị trường mở là lãi suất đấu thầu các loại tín phiếu và các loại giấy tờ có giá ngắn hạn. NHNN tham gia tổ chức nghiệp vụ thị trường mở và chi phối mức lãi suất đấu thầu. Mức lãi suất này thường nằm giữa 2 loại lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tiền gửi nói trên.

Thứ tư, lãi suất thị trường tiền tệ liên ngân hàng để thực hiện việc vay mượn lẫn nhau giữa các tổ chức tín dụng trong trường hợp thiếu vốn mà chưa đến phiên giao dịch trên thị trường mở. Vì vậy lãi suất thị trường liên ngân hàng luôn dao động xung quanh lãi suất thị trường mở và phụ thuộc vào lãi suất tái cấp vốn của NHNN. Lãi suất thị trường liên ngân hàng có vai trò chi phối lãi suất huy động và cho vay của tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế theo hướng: lãi suất huy động thường thấp hơn lãi suất thị trường liên ngân hàng và cao hơn lãi suất tiền gửi tại NHNN; lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất chiết khấu của NHNN và cao hơn lãi suất thị trường liên ngân hàng.

Như vậy cơ chế điều hành hệ thống lãi suất này là sự tác động gián tiếp của lãi suất tái cấp vốn của NHNN đến lãi suất tín dụng của các tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế, thông qua lãi suất trung gian của của nghiệp vụ thị trường mở và thị trường liên ngân hàng. Khi đó NHNN đã thực sự sử dụng các biện pháp kinh tế để tác động và điều hành thị trường thay cho các biện pháp can thiệp mang tính hành chính. Muốn vậy, NHNN cần sớm hoàn thiện và phát triển hơn nữa thị trường liên ngân hàng cơ chế lãi suất cho vay qua đêm để phát huy vai trò của công cụ lãi suất điều hành của NHNN, góp phần thực hiện hiệu quả hơn nữa mục tiêu chính sách tiền tệ của mình.

Với những giải pháp trên, quá trình tự do hóa lãi suất sẽ được hoàn thành một cách đầy đủ. Lãi suất được hình thành hoàn toàn dựa trên quan hệ cung cầu vốn trên thị trường, nhưng Ngân hàng Nhà nước vẫn có thể định hướng lãi suất thông qua các công cụ gián tiếp theo mục tiêu hoạch định chính sách tiền tệ.

### 5.1.2 Giải pháp cho quá trình tự do hoá tỷ giá

Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới để thực tự do hoá tỷ giá nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế về ngân hàng là điều hành tỷ giá theo nguyên tắc thị trường.

Đối với Việt Nam trong thời gian trước mắt chưa thể hiện được mậu dịch tự do hoàn toàn nên không thể áp dụng chế độ linh hoạt, thả nổi hoàn toàn, bởi vì:

Thứ nhất, độ co giãn của cung hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chưa nhiều vì trình độ phát triển của lực lượng sản xuất chưa cao, nên nếu thả nổi tỷ giá thì nhập khẩu cũng không thể giảm nhiều được, đồng thời xuất khẩu cũng không tăng lên mạnh mẽ, cũng không thể kỳ vọng vào việc thả nổi tỷ giá để tự điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế được. Ngược lại, nếu tỷ giá được thả nổi hoàn toàn lại có khả năng làm cho thương mại không ổn định và mang lại hiệu quả tiêu cực cho nền kinh tế do nạn đầu cơ tỷ giá.

Thứ hai, việc thả nổi tỷ giá sẽ không mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế Việt Nam do nền kinh tế thị trường chưa phát triển, tỷ giá chưa có điều kiện thả nổi hoàn

toàn. Đặc biệt là do thị trường tài chính phát triển chưa cao, nên chưa tạo điều kiện thật tốt cho xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Để thực hiện mục tiêu tự do hóa chính sách tỷ giá nhằm hội nhập quốc tế về ngân hàng, chính sách tỷ giá cần tiếp tục hoàn thiện, phát triển theo hướng linh hoạt hơn. Để đem lại hiệu quả cao cho nền kinh tế, trong thời gian tới, chính sách tỷ giá của Việt Nam phải được phối hợp đồng bộ với các chính sách quản lý vĩ mô khác mới. Để đạt được mục tiêu của chính sách tỷ giá đó thì Chính phủ và NHNN cần phải có những bước đi phù hợp.

Giải pháp trước mắt cho quá trình tự do hoá tỷ giá như sau:

Thứ nhất, thường xuyên phân tích tình hình kinh tế trong nước, khu vực và thế giới để đề ra được chính sách tỷ giá hối đoái cho phù hợp.

Thứ hai, để tạo điều kiện cho việc thực hiện chính sách ngoại hối có hiệu quả, thị trường ngoại hối cần hoàn thiện để các định chế tài chính và các chủ thể trong nền kinh tế tham gia thị trường ngày một nhiều nhằm tạo thị trường hoàn hảo hơn. Đặc biệt là thị trường hoán chuyển và thị trường kỳ hạn để các đối tượng kinh doanh có liên quan đến ngoại tệ tự bảo vệ mình.

Thứ ba, hoàn thiện công tác quản lý ngoại hối ở Việt Nam. Sử dụng hiệu quả và linh hoạt các công cụ quản lý tỷ giá, nâng cao tính chủ động trong kinh doanh tiền tệ của các NHTM. Ngân hàng Nhà nước cần giảm dần và tiến đến loại bỏ sự can thiệp trực tiếp trong việc xác định tỷ giá, xóa bỏ các quy định mang tính hành chính trong kiểm soát ngoại hối, thiết lập tính chuyển đổi cho đồng tiền Việt Nam.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế điều chỉnh tỷ giá hối đoái Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước nên từng bước loại bỏ dần việc quy định khung tỷ giá với biên độ quá chặt đối với các giao dịch của các NHTM và các giao dịch quốc tế để đảm bảo cho tỷ giá phản ánh đúng quan hệ cung cầu ngoại tệ trên thị trường.

Thứ năm, để Nhà nước có thể nắm được mối quan hệ cung cầu về ngoại tệ, đồng thời qua đó thực hiện biện pháp can thiệp của Nhà nước khi cần thiết thì cần phải hoàn chỉnh thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. NHNN cần điều hòa và phối hợp giữa hai khu vực thị trường nội tệ và thị trường ngoại tệ một cách thông thoáng. Để làm được điều đó cần có những biện pháp thúc đẩy các ngân hàng có kinh doanh ngoại tệ tham gia vào thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, bên cạnh đó phải củng cố và phát triển thị trường nội tệ liên ngân hàng với đầy đủ các nghiệp vụ hoạt động của nó.

Thứ sáu, sử dụng một cách có hiệu quả công cụ lãi suất để tác động đến tỷ giá. Chính phủ và NHNN phải từng bước tiến hành tự do hóa lãi suất, Chính phủ không có

những quyết định can thiệp hành chính mà phải làm cho lãi suất thực sự là một loại giá cả được quyết định bởi cung và cầu của chính đồng tiền đó trên thị trường.

Thứ bảy, nhanh chóng thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro. Chúng ta cần phải gấp rút triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro trong điều kiện tỷ giá hiện nay tiềm tàng nhiều nhân tố bất ổn. Các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá như quyền chọn tiền tệ, hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn ... cần được Chính phủ cho phép các NHTM thực hiện.

Về lâu dài, NHNN cần xoá bỏ biên độ giao dịch của tỷ giá, không trực tiếp ấn định tỷ giá, mà chỉ tiến hành can thiệp trên thị trường ngoại hối khi thị trường có những biến động không mong muốn. Hiện nay NHNN đang áp dụng cơ chế tỷ giá thả nổi có sự điều tiết của Chính phủ để điều hành chính sách tiền tệ. Theo đó, tỷ giá chính thức do NHNN thiết lập trên cơ sở tỷ giá bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng và tỷ giá kinh doanh ngoại tệ của các NHTM giao dịch trong biên độ so với tỷ giá chính thức. Với cách tính này, NHNN không chế được sự biến động thất thường của tỷ giá. Tuy nhiên, hạn chế của nó là tỷ giá không phản ánh đúng cung cầu tiền tệ trên thị trường, làm cho hoạt động kinh doanh của các NHTM gặp khó khăn. Chính vì thế, NHNN cần từng bước tiến dần đến bỏ hẳn việc căn cứ vào tỷ giá giao dịch ngoại tệ bình quân liên ngân hàng để xác định tỷ giá như hiện nay; thay vào đó, để các NHTM tự quyết định tỷ giá theo quan hệ cung – cầu ngoại tệ trên thị trường. Thị trường sẽ tự điều chỉnh tỷ giá một cách phù hợp.

### 5.1.3. Giải pháp cho quá trình tự do hoá cơ chế quản lý ngoại hối

- Đối với giao dịch vãng lai và việc sử dụng ngoại tệ trong nước

Hiện nay nhìn chung đã được tự do hóa. Tuy nhiên, khi gia nhập nền kinh tế toàn cầu, tự do hóa vãng lai, tuân thủ nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc tự do hóa thì vấn đề đô la hóa càng khó kiểm soát. Để khắc phục tình trạng trên, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như:

+ Tăng cường khâu kiểm soát và chế tài xử phạt các hoạt động ngoại hối trong nước.

+ Khuyến khích thanh toán qua ngân hàng thông qua việc cải thiện hoạt động thanh bù trừ, thanh toán điện tử, cải thiện dịch vụ ngân hàng với chi phí rẻ và tiện lợi.

+ Ngân hàng Nhà nước cần tính toán cẩn thận và có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi mở rộng cho vay bằng ngoại tệ trong nước.

+ Khuyến khích bán ngoại tệ cho hệ thống ngân hàng theo biện pháp kinh tế.

- Đối với chính sách quản lý ngoại hối trong giao dịch vốn

#### + Về vay trả nợ nước ngoài

Cần tiếp tục thu hút tối đa và hợp lý mọi nguồn vốn nước ngoài phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước nhưng phải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và hoàn trả. Tuy nhiên tự do hóa cán cân vốn quá sớm mà không có biện pháp kiểm soát hữu hiệu sẽ dẫn đến sự bùng nổ số dư nợ nước ngoài và không đảm bảo an ninh tài chính quốc gia. Do vậy, cần kiểm soát luồng vốn nước ngoài một cách thận trọng, xây dựng và củng cố năng lực phân tích tài chính cũng như xây dựng cơ chế pháp lý chặt chẽ trước khi tự do hóa cán cân vốn, cụ thể là: một là, xây dựng hạn mức vay vốn nước ngoài phù hợp với các tiêu chí an toàn; hai là, tập trung vay vốn nước ngoài để đầu tư phát triển, đặc biệt các dự án có khả năng tái tạo ngoại tệ để đảm bảo khả năng trả nợ; ba là, tăng cường công tác kiểm soát các luồng vay nợ ngắn hạn thông qua yêu cầu báo cáo đầy đủ và kịp thời các giao dịch vay vốn ngắn hạn đồng thời tăng cường chế tài xử phạt để chấn chỉnh công tác báo cáo chậm và không đầy đủ.

#### + Về quản lý ngoại hối trong hoạt động đầu tư trực tiếp

Bên cạnh việc cải thiện hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài cần chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nâng cao chất lượng quy hoạch đầu tư nước ngoài phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lãnh thổ cũng như chiến lược hội nhập từng thời kỳ. Về quản lý ngoại hối, hạn chế tối đa việc cân đối ngoại tệ của Chính phủ với dự án đầu tư nước ngoài để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh đồng thời giảm gánh nặng cho dự trữ ngoại hối nhà nước.

#### + Về quản lý ngoại hối trong hoạt động đầu tư gián tiếp

Với việc mở cửa thị trường tài chính tiền tệ đã thúc đẩy vốn đầu tư gián tiếp đổ vào thị trường chứng khoán nhưng quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam còn rất nhỏ, tỷ trọng vốn đầu tư gián tiếp còn hạn chế. Do tính bất ổn của vốn đầu tư gián tiếp nên đòi hỏi có sự giám sát chặt chẽ việc chu chuyển dòng vốn ngắn hạn và các giao dịch vốn trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý một cách đầy đủ và toàn diện về hoạt động đầu tư nước ngoài.

#### - Đối với chính sách tỷ giá và phát triển thị trường ngoại hối

Ngân hàng Nhà nước nên điều hành tỷ giá một cách linh hoạt nhằm hạn chế việc găm giữ ngoại tệ đồng thời tạo điều kiện để phát triển các nghiệp vụ phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, giúp thị trường ngoại hối phát triển hơn.

Bên cạnh đó, thị trường ngoại hối trong xu thế hội nhập cần phát triển theo hướng mở cửa, chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, hướng tới một thị trường ngoại hối hiện đại với đầy đủ các công cụ giao dịch nhằm nâng cao tính thanh khoản cho thị trường ngoại hối, giảm bớt các quy định hành chính trong giao dịch hối đoái. Thị

trường hội đoái Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và sắp tới cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau: Một là, cho phép áp dụng các loại hình thức giao dịch theo thông lệ quốc tế nếu đáp ứng được các điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước quy định; Hai là, mở rộng các đối tượng cung ứng dịch vụ ngoại hối; Ba là, sẵn sàng cung ứng được nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nền kinh tế; Bốn là, đảm bảo tính thanh khoản và khơi thông ngoại tệ cho nền kinh tế.

- Đối với chính sách quản lý dự trữ ngoại hối

Cần quản lý và sử dụng nguồn ngoại hối một cách chủ động và linh hoạt, phù hợp với chiến lược kinh tế, xã hội. Dự trữ ngoại hối cần được tập trung về một đầu mối quản lý là Ngân hàng nhà nước, tránh tình trạng như hiện nay vẫn còn một số nguồn thu ngoại tệ do Bộ tài chính quản lý, điều này gây khó khăn cho ngân hàng Nhà nước có được một khối lượng ngoại tệ đủ để can thiệp thị trường ngoại hối. Ngoài ra, cần hạn chế tối đa hoạt động tạm ứng ngoại tệ của ngân sách từ dự trữ ngoại hối, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc hoàn trả trong năm ngân sách. Bên cạnh đó, cần đào tạo cán bộ có trình độ và kinh nghiệm thực hiện quản lý ngoại hối và chuyên gia phân tích, dự báo giỏi ...

Chính sách quản lý ngoại hối cần được thực hiện theo hướng từng bước tự do hoá ngoại hối với các qui định về ngoại hối phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của các tổ chức quốc tế, các khối nước mà Việt Nam là thành viên như IMF, ASEAN ...

Trên đây là một số kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện chính sách quản lý ngoại hối trong thời gian tới khi mà nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

#### 5.1.4. Giải pháp cho quá trình tự do hóa cơ chế tín dụng

Nhà nước không nên can thiệp quá sâu vào lĩnh vực phân phối tín dụng nhằm tạo điều kiện để các dòng vốn tìm đến nơi cần, theo nguyên tắc chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với phần vốn nhận được, bảo đảm khả năng thu hồi và có lãi.

Giải pháp cho quá trình tự do hóa tín dụng cần hướng vào các nội dung sau:

Một là, bãi bỏ hoàn toàn việc ấn định hạn mức tín dụng và các tỷ lệ có liên quan.

Hai là, xóa bỏ việc cấp vốn tín dụng Nhà nước với lãi suất ưu đãi cho nhiều dự án đầu tư của khu vực Nhà nước. Nhà nước chỉ cấp vốn hay áp dụng lãi suất ưu đãi với những dự án đòi hỏi vốn lớn, phát triển vùng sâu, vùng xa hay các lĩnh vực ưu tiên. Đối với một số ngành công nghiệp mũi nhọn theo chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, ngành nông nghiệp hay các ngành gặp nhiều khó khăn thực hiện vay vốn tại ngân

hàng phát triển. Cần tách hoàn toàn chức năng chính sách xã hội và chức năng kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng. Ngân hàng CSXH sẽ là đơn vị thực thi CSXH của Nhà nước nhưng vẫn cần đảm bảo nguyên tắc thu bù chi, không để mất vốn.

Ba là, mở rộng tín dụng cho mọi thành phần kinh tế để tận dụng các nguồn lực đang có và tiềm ẩn trong nền kinh tế.

Bốn là, xoá bỏ những ràng buộc trong hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng, nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tạo môi trường thông thoáng cho việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

Năm là, loại bỏ chương trình tín dụng chỉ định. Cần phải loại bỏ ưu tiên phân bổ tín dụng cho các DNNN với lãi suất thấp theo chỉ định của Nhà nước. Để nguồn vốn được phân bổ đúng nơi thì căn cứ để xét duyệt phân bổ tín dụng là tính hiệu quả của dự án (tỷ suất lợi nhuận của dự án mang lại).

## **5.2 Nhóm giải pháp thúc đẩy NHTM VN hội nhập nhanh và hiệu quả.**

### **5.2.1 Tạo ra sự đồng nhất về sản phẩm dịch vụ ngân hàng trong nước với các ngân hàng khác trên thị trường quốc tế**

Trong điều kiện hội nhập như hiện nay, các ngân hàng thương mại Việt Nam phải làm cho sản phẩm của mình ngày càng hoàn thiện, phải phấn đấu vươn ra các thị trường tài chính – tiền tệ khu vực và thế giới với những sản phẩm đạt chuẩn quốc tế nhằm tạo ra sự đồng nhất về hoạt động, để tăng cường giao lưu gắn bó trong hoạt động ngân hàng với các ngân hàng khác trên thị trường quốc tế.

Hiện nay sản phẩm của ngân hàng thương mại Việt Nam có nhiều điểm khác biệt so với sản phẩm của các ngân hàng ở nước ngoài:

- Sản phẩm của ngân hàng thương mại Việt Nam chủ yếu phục vụ cho nhu cầu giao dịch tại quầy trong khi sản phẩm của các ngân hàng ở nước ngoài nghiêng về sản phẩm công nghệ, giao dịch online (ví dụ giao dịch qua ATM, internet); đòi hỏi đầu tư hệ thống ATM dày đặc khắp trạm xăng, trường học, nhà sách, rạp hát ... hay internet an toàn bảo mật cao. Điều này tác động mạnh đến chi phí/lợi nhuận của ngân hàng bởi giao dịch tại quầy tốn rất nhiều chi phí: giấy tờ, con người, phí quản lý...

- Các sản phẩm phái sinh, sản phẩm bancassurance cũng được phát triển mạnh trong khi trình độ của cán bộ ngân hàng Việt Nam chưa theo kịp hoặc thị trường Việt Nam chưa có nhu cầu nên chưa được đầu tư đào tạo, đúng mức.

- Ngoài ra, do mức sống cao, sản phẩm ở ngân hàng nước ngoài hướng về các tiện ích, giá trị gia tăng hơn lợi ích thực từ việc tăng/giảm lãi suất, giảm/miễn phí mà ngân hàng thương mại Việt Nam áp dụng tại thị trường Việt Nam.

- Sản phẩm của ngân hàng thương mại Việt Nam về chủng loại đa dạng nhưng đơn giản hơn ngân hàng nước ngoài rất nhiều nên chỉ đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của khách hàng.

- Sản phẩm của NHTM Việt Nam thì chú trọng sản phẩm tiền gửi vì ở Việt Nam việc ngân hàng thuyết phục khách hàng gửi tiền vào thì khó nhưng cho vay thì dễ hơn (ở Việt Nam thì khách hàng xin vay là chủ yếu). Trong khi đó ngân hàng ở nước ngoài tập trung vào sản phẩm cho vay vì ở nước ngoài ngân hàng thuyết phục khách hàng đi vay thì khó nhưng gửi tiền thì dễ hơn (ở nước ngoài hầu hết đều trả lương qua tài khoản mở tại các ngân hàng).

- Sản phẩm cho vay của NHTM Việt Nam phức tạp với vô số sản phẩm tùy vào mục đích vay hoặc thời hạn vay, trong khi sản phẩm của các nước phát triển chủ yếu phát triển qua sản phẩm thẻ tín dụng (bao gồm mọi mục đích vay của khách hàng cá nhân).

- Sản phẩm của NHTM Việt Nam rất phức tạp về quy trình: ví dụ khách hàng thế chấp bất động sản vay tiền phải thực hiện thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo và ký hơn 10 chữ ký trong hồ sơ vay (giấy nhận nợ, hợp đồng ...) trong khi ở nước ngoài thì chỉ cần một chữ ký.

- Sản phẩm tín dụng ở nước ngoài chủ yếu bằng tín chấp (khách hàng ở nước ngoài rất quan tâm đến uy tín của mình), trong khi sản phẩm tín dụng của NHTM ở Việt Nam chủ yếu là phải có tài sản đảm bảo.

Những khác biệt trên được hình thành do môi trường kinh doanh, văn hóa, xã hội của Việt Nam tương đối khác biệt với nước ngoài. Do đó để hội nhập với ngân hàng nước ngoài, ngoài việc tăng vốn, đầu tư công nghệ, chất xám còn cần phải tìm hiểu kỹ môi trường kinh doanh, văn hóa, xã hội ... ở nước ngoài để xây dựng hệ sản phẩm phù hợp với thị hiếu. Chẳng hạn: đối với môi trường kinh doanh (ví dụ không có sự can thiệp trực tiếp bằng các chính sách từ NHTU, ngân hàng mạnh sẽ thôn tính ngân hàng nhỏ); đối với môi trường văn hóa (ví dụ người dân Trung Quốc chỉ thích giao dịch ngân hàng nội địa hoặc ở các nước phát triển, dân chúng không có thói quen sử dụng tiền mặt); đối với môi trường pháp luật (ví dụ Nhật không cho phép hoạt động của ngân hàng khác địa phương) ...

Ngân hàng cung cấp cho khách hàng các sản phẩm ngoài phạm vi quốc gia, vì vậy, nó không chỉ chịu sự điều chỉnh của luật pháp quốc gia nơi ngân hàng đó được thành lập và đặt trụ sở chính mà còn phải tuân thủ theo luật pháp quốc tế, thông lệ quốc tế trong kinh doanh nghiệp vụ. Các chủ thể tham gia rất đa dạng, bao gồm các khách hàng ở các quốc gia khác nhau, vì vậy, các ngân hàng phục vụ cũng ở các quốc



gia khác nhau. Giữa các chủ thể này tiềm ẩn nhiều lợi ích, mâu thuẫn và tập quán khác nhau đòi hỏi được dung hòa và giải quyết. Do khách hàng của ngân hàng ở các quốc gia khác nhau nên trong kinh doanh nghiệp vụ sẽ sử dụng nhiều loại tiền tệ khác nhau miễn sao các bên chấp nhận, vì vậy, sản phẩm có quan hệ mật thiết với thị trường ngoại hối và chịu sự tác động mạnh mẽ của yếu tố tỷ giá, dự trữ ngoại tệ của mỗi quốc gia ...

Ngân hàng cung ứng các sản phẩm dịch vụ luôn phải đương đầu với tính phức tạp, rủi ro cao, kiểm soát khó cả trong lẫn ngoài nước. Xuất phát từ tính rủi ro và lợi nhuận cao nên những NHTM hoạt động trong lĩnh vực này đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ tốt, hiểu biết nhiều lĩnh vực khác nhau, xử lý nhạy bén với những biến động của thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế.

Việc tạo ra những sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt chuẩn quốc tế, tạo ra sự đồng nhất về hoạt động là tương lai của các NHTM Việt Nam khi bước vào hội nhập. Chú trọng phát triển và nâng cao năng lực hoạt động trong lĩnh vực này sẽ tạo điều kiện cho các ngân hàng tăng khả năng cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài, mở rộng thị phần, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong nền kinh tế.

Ngoài ra, để tạo ra được những sản phẩm đạt chuẩn quốc tế nhằm tạo ra sự đồng nhất về hoạt động, các NHTM phải xây dựng chất lượng dịch vụ ngân hàng theo chuẩn quốc tế. Chất lượng dịch vụ ngân hàng tồn tại trong suốt quá trình ngân hàng cung cấp dịch vụ. Chất lượng dịch vụ ngân hàng là vô hình, thước đo chất lượng dịch vụ được sử dụng phổ biến là thang đo SERVQUAL. SERVQUAL được Parasuraman công bố vào năm 1985, là công cụ đo lường chất lượng dịch vụ kinh điển. SERVQUAL được áp dụng rộng rãi trong nhiều ngành, lĩnh vực dịch vụ khác nhau như bảo hiểm, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn, du lịch ... SERVQUAL đo lường chất lượng dịch vụ dựa trên sự cảm nhận bởi chính các khách hàng sử dụng dịch vụ này. Thang đo SERVQUAL bao gồm 22 câu hỏi thuộc 5 khía cạnh (xem phụ lục 6). Đây là thang đo có độ tin cậy cao và có giá trị, điều này được các nhà quản lý doanh nghiệp và các học giả khẳng định trong thời gian qua.

### *5.2.2 Tăng cường năng lực tài chính và cơ cấu lại nguồn vốn của các NHTM nhằm hướng đến an toàn vốn theo Basel 3*

Các NHTM cần có chiến lược tăng vốn điều lệ thông qua thực hiện tăng vốn tự có. Việc tăng vốn tự có của NHTM thường được tiến hành theo 2 cách:

- Ngân hàng tăng trưởng vốn tự có từ bên trong thông qua chiến lược tăng lợi nhuận. Để làm được điều này, các ngân hàng cần phát triển các nghiệp vụ, dịch vụ

truyền thống hiện có; đồng thời triển khai các dịch vụ hiện đại vốn là những dịch vụ mang lợi nhuận cao, nhanh chóng thiết lập chiến lược khách hàng theo hướng đa dạng hoá các đối tượng khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng lợi nhuận cho ngân hàng. Ngân hàng phải có những phân loại về thị trường như thị trường mục tiêu, thị trường tiềm năng; mở rộng địa bàn hoạt động, xác định rõ những lợi thế so sánh của mình trong cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài. Có như vậy, các ngân hàng mới có thể thực hiện gia tăng lợi nhuận và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh với môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt khi hội nhập.

- Ngân hàng tăng trưởng vốn tự có từ bên ngoài thông qua con đường phát hành cổ phiếu, sáp nhập. Bởi vậy, yêu cầu cấp bách đặt ra là phải cổ phần hoá các NHTM nhà nước, thực hiện tạo vốn tự có thông qua thị trường chứng khoán. Ngoài ra, đối với các NHTM cổ phần với quy mô vốn nhỏ cần phải nâng cấp lên quy mô từ 3.000 tỷ đồng trở lên để nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Hoặc một số NHTM cổ phần liên kết với nhau tiến tới sáp nhập thành tổ chức tín dụng có quy mô vốn lớn, hoạt động ổn định và phát triển trong tình hình mới.

Ủy ban Basel đã chính thức công bố vào ngày 12/09/2010 về bộ tiêu chuẩn an toàn vốn tối thiểu áp dụng cho các NHTM (xem bảng 3.1). Bộ tiêu chuẩn này được coi là khá ngặt nghèo đối với các NHTM. Tuy nhiên, bộ tiêu chí này đến năm 2013 mới bắt đầu có hiệu lực theo một lộ trình tăng dần mức độ tuân thủ và sẽ được thực thi đầy đủ vào ngày 01/01/2019. Thời gian đáp ứng các tiêu chuẩn của Basel 3 còn khá dài nhưng không vì thế mà không có những nỗi lo.

**Bảng bộ tiêu chuẩn an toàn vốn tối thiểu áp dụng cho các NHTM theo Basel 3**

**TTBD ĐBDC** (Đơn vị tính: %)

<b>CHỈ TIÊU NĂM</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu	3,5	4,0	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5
Vốn đệm dự phòng				0,625	1,25	1,875	2,5
Vốn chủ sở hữu tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng	3,5	4	4,5	5,125	5,76	6,375	7
Loại trừ khỏi vốn CSH các khoản vốn không đủ tiêu chuẩn		20	40	60	80	100	100
Tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu	4,5	5,5	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
Tỷ lệ tổng vốn tối thiểu	8	8	8	8	8	8	8

Tổng vốn tối thiểu cộng vốn đệm	8	8	8	8,625	9,125	9,875	10,5
Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và cấp 2	Thực hiện theo lộ trình 10 năm bắt đầu từ năm 2013						
Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ	Tùy theo điều kiện của quốc gia: mức từ 0% - 2,5%						

Nguồn: <http://www.basel-iii-agreement.com>

Vừa qua các ngân hàng đã có một sự điều chỉnh nhẹ để đạt được chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thông tư 13/TT-NHNN phải là 9%. Đạt được tỷ lệ này, các NHTM ở nước ta sẽ có điều kiện thuận lợi thỏa mãn tiêu chuẩn an toàn vốn tối thiểu của Basel 3 đến năm 2017 và chỉ phải điều chỉnh gia tăng tỷ lệ này vào các năm tiếp theo từ 2018 trở đi để đạt được tỷ lệ vốn tối thiểu 10,5% kể cả phần vốn đệm dự phòng tài chính. Tuy nhiên theo đánh giá của NHNN, vấn đề nằm ở chỗ, tỷ lệ an toàn vốn nói trên là tỷ lệ tính toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nếu tính theo chuẩn mực kế toán quốc tế thì tỷ lệ an toàn vốn của các NHTM Việt Nam có một sự sai lệch khá xa. Vì vậy, thiết nghĩ cần có một sự khảo sát toàn diện về khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn vốn của Basel 2, cao hơn nữa là Basel 3 theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế. Có như vậy mới đảm bảo cho sự phát triển an toàn và vững chắc của hệ thống tài chính - ngân hàng ở nước ta, đồng thời, hướng đến việc tuân thủ các chuẩn mực của Basel 3 trên cơ sở chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế.

### 5.2.3 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị ngân hàng thương mại

Các ngân hàng cần coi trọng đội ngũ cán bộ nhân viên. Động lực để phát triển bền vững và mạnh mẽ ngân hàng phải là nguồn nhân lực ngân hàng. Nguồn nhân lực là tài sản chiến lược lớn nhất của ngân hàng. Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao để quản lý và sử dụng công nghệ hiện đại đang diễn ra ở hầu hết các ngân hàng Việt Nam hiện nay. Vì vậy, khi thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao này rất cần tạo môi trường làm việc thuận lợi, luôn có chính sách đãi ngộ công bằng và hợp lý, tạo cho người lao động ý thức tự học để vươn lên ... Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người lao động cũng cần được quan tâm.

Chú trọng công tác tổ chức và tăng cường năng lực quản trị điều hành của các nhà quản trị NHTM. Các ngân hàng cần tăng cường việc tổ chức các khóa đào tạo dành riêng cho cán bộ quản lý theo từng cấp. Mặt khác, cần lựa chọn các cán bộ quản lý các cấp có tiềm năng đi đào tạo thực tập ở các ngân hàng nước ngoài, đổi mới mô hình tổ chức và quy chế điều hành theo hướng tăng quyền lực quản lý của hội đồng quản trị; nâng cao hơn nữa quyền tự chủ tài chính cho các NHTM.

Cần đào tạo cán bộ thực hiện tốt các nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế cần được tiêu chuẩn hoá, đặc biệt là những cán bộ thanh tra giám sát, cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng quốc tế, cán bộ vận hành và sử dụng công nghệ hiện đại để tạo điều kiện cho các ngân hàng tham gia hội nhập quốc tế với tư thế vững vàng, đủ sức cạnh tranh với các định chế tài chính của các nước trong khu vực và quốc tế.

#### 5.2.4 Nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ ngân hàng

##### - Nâng cao chất lượng dịch vụ

Nhằm nâng cao khả năng và chất lượng cung cấp dịch vụ của các ngân hàng đáp ứng yêu cầu của xã hội, xin đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, các ngân hàng cần nhanh chóng xây dựng cho mình các tiêu chuẩn, tuyên bố, thước đo chất lượng dịch vụ ngân hàng. Các tuyên bố chất lượng dịch vụ ngân hàng phải rõ ràng, cô đọng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ ... phản ánh triết lý kinh doanh, phương châm hoạt động và cam kết phục vụ khách hàng của ngân hàng. Để tạo nền tảng vững chắc cho cạnh tranh và phát triển, ngân hàng luôn hướng tới việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ nhiều tiện ích với chất lượng tốt, nhằm thỏa mãn những yêu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Thứ hai, cải thiện chất lượng quản trị nội bộ để nâng cao năng lực và kỹ năng chăm sóc khách hàng của nhân viên ngân hàng.

Những chính sách như cơ chế thưởng, lương hợp lý; tạo môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng; khách quan khi đánh giá cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm ... Lãnh đạo cần sự ghi nhận, ngợi khen những thành tích của nhân viên cũng như có những biện pháp khuyến khích, tạo động lực làm việc cho nhân viên, làm tăng sự gắn kết của nhân viên đối với ngân hàng. Từ đó tác động lan tỏa đến chất lượng dịch vụ bên ngoài thông qua tăng sự mong muốn, lòng nhiệt tình phục vụ khách hàng của nhân viên ngân hàng.

Thứ ba, thường xuyên trao đổi thông tin với khách hàng.

Ngân hàng phải thường xuyên truyền tải đến khách hàng thông tin về sản phẩm, dịch vụ, thu thập các ý kiến phản hồi cũng như khiếu nại của khách hàng, xử lý các yêu cầu của khách hàng. Dễ hiểu và đáp ứng kỳ vọng của khách hàng thì trao đổi thông tin với khách hàng giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Trao đổi thông tin có thể được tiến hành dưới nhiều hình thức như tổ chức các cuộc thăm dò, hội nghị khách hàng, khuyến trương sản phẩm, dịch vụ, thiết lập đường dây nóng, điều tra nhu cầu của khách hàng, các chương trình quảng cáo ...

Thứ tư, giải quyết khiếu nại của khách hàng. Các ngân hàng cần phải coi khiếu nại của khách hàng là tín hiệu để ngân hàng không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ của mình.

Thứ năm, chăm sóc và xây dựng đội ngũ khách hàng trung thành của ngân hàng. Sự trung thành của khách hàng thể hiện ở mối quan hệ giao dịch lâu dài. Vì khách hàng trung thành đã quen với hệ thống hoạt động của ngân hàng nên sự trung thành của khách hàng làm tăng lợi nhuận thông qua tăng doanh thu, giảm chi phí thu hút khách hàng, cũng như làm giảm chi phí phục vụ khách hàng.

Để xây dựng khách hàng trung thành, nhân viên ngân hàng phải có thái độ phục vụ, sự chuyên nghiệp và khả năng đáp ứng những yêu cầu của khách hàng; ngân hàng phải đảm bảo chất lượng dịch vụ do ngân hàng cung cấp, ngân hàng phải xây dựng được lòng tin, sự tin tưởng của khách hàng về ngân hàng.

- Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng

+ Cải tiến các sản phẩm dịch vụ và không ngừng nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới mang tính tiện nghi

Cải tiến sản phẩm dịch vụ nhằm tạo sự tương thích, đa dạng, tiện ích, tạo cho khách hàng sự thoải mái, tiện lợi khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ.

Việc tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới mang tính hiện đại, đa dạng, đa năng, linh hoạt, thuận tiện cho khách hàng sẽ làm tăng thêm doanh thu cho ngân hàng. Hiện nay tại các ngân hàng chưa phát triển hoặc thiếu các sản phẩm dịch vụ ngân hàng như: cho thuê kết sắt giữ hộ, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý tài sản và thực hiện di chúc, dịch vụ tư vấn thuế, dịch vụ thiết lập kế hoạch tài chính cho cá nhân và doanh nghiệp ... Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc nghiên cứu đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới rất quan trọng. Tuy nhiên, việc tạo ra một sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đòi hỏi phải nghiên cứu đến nhiều yếu tố như: nhu cầu của khách hàng, khả năng của ngân hàng, môi trường pháp lý ...

+ Gia tăng các sản phẩm liên kết

Thực hiện các sản phẩm kết liên kết. Ví dụ như trong dịch vụ thẻ thanh toán, thay vì thẻ của ngân hàng nào chỉ có thể sử dụng tại máy của ngân hàng đó thì các ngân hàng có thể liên kết với nhau thành những liên minh thẻ, hoặc cùng tham gia vào một hiệp hội thẻ quốc gia. Như vậy, chi phí đối với từng ngân hàng sẽ được giảm thiểu; tiện ích khách hàng được hưởng sẽ tăng lên rất nhiều vì chỉ cần sở hữu một thẻ thanh toán là có thể sử dụng được tại bất kỳ máy ATM hoặc điểm chấp nhận thẻ nào trên toàn lãnh thổ (hiện nay các ngân hàng cũng có sản phẩm liên kết này nhưng còn rất hạn chế).

Ngoài ra, cần có sự liên kết giữa các ngân hàng trong nước với nhau, trong nước và nước ngoài, trong ngành ngân hàng và ngoài ngành ngân hàng. Liên kết giữa các ngân hàng trong nước không phân biệt hình thức sở hữu sẽ hỗ trợ khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng của các ngân hàng, giải quyết được vấn đề vốn cho đầu tư vào công nghệ mới và phát triển mạng lưới các điểm giao dịch của mạng lưới phân phối truyền thống. Liên kết giữa các ngân hàng trong nước và ngoài nước nhằm khai thác thế mạnh của mỗi bên trong việc phát triển dịch vụ ngân hàng như HSBC và Techcombank đã thực hiện việc hợp tác trong việc quản lý tiền mặt: dịch vụ rút tiền mặt, dịch vụ chi trả lương, dịch vụ thanh toán, dịch vụ nhờ thu tự động và hệ thống ngân hàng điện tử Telebank. Ngân hàng nước ngoài mạnh về vốn và công nghệ, ngân hàng trong nước mạnh về mạng lưới và sự am hiểu địa phương. Liên kết giữa ngân hàng và tài chính trong việc phát triển các sản phẩm liên kết ngân hàng, bảo hiểm (assure banking hoặc bancassurance), các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán. Liên kết giữa ngân hàng và doanh nghiệp ngoài ngành trong việc phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy hoạt động thanh toán qua ngân hàng. Liên kết giữa ngân hàng và các công ty viễn thông trong việc sử dụng các kênh phân phối điện tử. Liên kết giữa ngân hàng và Công ty Bưu chính Việt Nam nhằm mở rộng kênh phân phối như HSBC đã liên kết với Tổng công ty bưu chính viễn thông. Các NHTM cũng cần tăng cường hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp có các khoản thanh toán dịch vụ thường xuyên, ổn định số lượng khách hàng, trả lương như bưu điện, hàng không, điện lực, cấp thoát nước, kinh doanh xăng dầu. Hoặc là tìm kiếm các cơ hội bán hàng chéo như phối hợp với các doanh nghiệp khác (công ty bảo hiểm, siêu thị, cửa hàng, nhà sách, nhà hàng, khách sạn ...) để cùng nhau tiến hành các hoạt động khuyến trương cho sản phẩm dịch vụ NH cùng các sản phẩm dịch vụ của các doanh nghiệp.

#### 5.2.5 Phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

Mạng lưới là một mắt xích trong một quy trình phân phối sản phẩm. Do đó, việc mở rộng mạng lưới phân phối là yêu cầu cần thiết đối với các NHTM. Việc mở rộng mạng lưới sẽ thuận lợi đưa sản phẩm dịch vụ đến với mọi người dân ở khắp cả nước.

Theo bảng khảo sát, một tỷ lệ nhỏ 25,9% khách hàng đánh giá mạng lưới chi nhánh của NHTM trong nước là nhiều.

**Bảng đánh giá về mạng lưới chi nhánh của NHTM  
trong nước so với NHNNg**

	Tần số	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Hợp lệ	9	2.8	2.8	2.8
Quá ít	26	8.2	8.2	11.0
Ít	146	46.1	46.1	57.1
Trung bình	82	25.9	25.9	83.0
Nhiều	54	17.0	17.0	100.0
Rất nhiều	317	100.	100.0	

*Nguồn : Kết quả xử lý SPSS từ bảng nghiên cứu thị trường (xem phụ lục 2)*

#### 5.2.6 Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng

Đầu tư cho công nghệ là nền tảng quan trọng để đẩy mạnh hoạt động ngân hàng, nó góp phần nâng cao năng suất và chất lượng, đồng thời nó tạo thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ ngân hàng mới. Chúng ta đang đứng trước một kỷ nguyên công nghệ thông tin, trong đó công nghệ thông tin đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành ngân hàng. Tuy nhiên thực tế ở Việt Nam việc ứng dụng công nghệ thông tin khá khiêm tốn, vì vậy cần hiện đại hoá công nghệ ngân hàng để bắt kịp với trình độ công nghệ của các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc hiện đại hoá công nghệ ngân hàng sẽ làm tiết giảm được thời gian, lao động, phục vụ việc quản trị, điều hành, tác nghiệp cũng như phục vụ khách hàng nhanh chóng thuận tiện hơn. Đồng thời, trên cơ sở nền tảng công nghệ cao sẽ phát triển được nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Bên cạnh việc trang bị phần cứng như máy móc thiết bị, cần chú ý phát triển phần mềm để tận dụng, tạo ra được nhiều sản phẩm ngân hàng bán lẻ cho khách hàng, có chính sách tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ để có điều kiện tiếp cận nhanh chóng với các công nghệ ngân hàng trong tiến trình hội nhập quốc tế.

#### 5.2.7 Phát triển thương hiệu ngân hàng.

Một ngân hàng có thương hiệu, có quy mô lớn luôn là yếu tố quan trọng khi xem xét chọn giao dịch tại một ngân hàng. Khách hàng đánh giá sự quan trọng của yếu tố

thương hiệu, sự lớn mạnh của ngân hàng ở 4 điểm trên thang điểm 5 cao nhất trong số các tiêu chí được hỏi.

**Bảng 3.3: Tầm quan trọng của thương hiệu NH đến việc sử dụng DVNH**

	N	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tầm quan trọng của thương hiệu của NH đến việc sử dụng dịch vụ ngân hàng Valid N (listwise)	317	1.00	5.00	4.0284	.77285

*Nguồn : Kết quả xử lý SPSS từ bảng nghiên cứu thị trường (xem phụ lục 2)*

Thương hiệu có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các ngân hàng. Định hướng quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu của ngành ngân hàng Việt Nam trong thời gian tới “Các ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam cần xây dựng thương hiệu của ngân hàng mình phải có điểm khác biệt, độ nhận diện cao, được quốc tế hóa và truyền tải được những giá trị độc đáo vừa đúng lúc vừa xoay thẳng vào ước muốn của khách hàng”.

Theo đó, các định hướng xây dựng thương hiệu của ngành ngân hàng phải đạt được mục tiêu: Một là, bằng hệ thống nhận diện nhất định nhất thể hóa được hình ảnh của ngân hàng, hệ thống nhận diện đó thể hiện những giá trị cốt lõi của ngân hàng. Hai là, tại tất cả các cấp độ trong hệ thống ngân hàng cần tạo cơ sở nền tảng để quản trị có hiệu quả thương hiệu của ngân hàng. Ba là, từng ngân hàng Việt Nam phải định vị được thương hiệu độc nhất và giá trị cốt lõi của mình trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế. Ba là, cán bộ và lãnh đạo ngân hàng cần nhất thể hóa ý chí và hành động của mình trong việc thể hiện ra bên ngoài hình ảnh của ngân hàng.

Mục tiêu này muốn đạt được thì trong chiến lược phát triển kinh doanh của mình, các ngân hàng phải đảm bảo định hướng xây dựng thương hiệu để đạt được mục tiêu lâu dài, đó là: Một là, lượng khách hàng ngày càng tăng một cách ổn định. Muốn làm được điều này thì ngân hàng phải tạo ra sự hài lòng, sự thỏa mãn về tiện ích, tính an toàn, chất lượng, thái độ giao dịch ... Hai là, lợi nhuận của ngân hàng cần phải tăng trưởng vững chắc. Đây là tiêu chí quan trọng để tạo sự tin cậy của khách hàng. Ba là, thị trường nhanh chóng chấp nhận các sản phẩm, dịch vụ mới của ngân hàng. Khách hàng nhanh chóng chấp nhận các sản phẩm dịch vụ đó với mức độ không ngừng mở



rộng và gia tăng. Có chiến lược Marketing khi đưa ra các sản phẩm và dịch vụ mới lần đầu được cung cấp ra thị trường.

Để đưa ra các định hướng xây dựng thương hiệu có hiệu quả, các ngân hàng cần:

Thứ nhất, xây dựng thương hiệu phải có tính khác biệt, có nghĩa là phải tạo ra sự khác biệt giữa thương hiệu của một ngân hàng với các ngân hàng khác có cùng đối tượng khách hàng. Thứ hai, trước khi tiến hành bất kỳ một hành động nào liên quan đến chiến lược phát triển thương hiệu cần khảo sát nội bộ và khảo sát khách hàng để định vị thương hiệu hiện tại trên thị trường. Thứ ba, để khẳng định thêm giá trị cốt lõi của thương hiệu, công việc vô cùng quan trọng là các ngân hàng thương mại cần tiến hành định giá thương hiệu. Thứ tư, chỉ có lòng trung thành của khách hàng mới giúp ngân hàng đứng vững trong môi trường cạnh tranh gay gắt. Chỉ những ngân hàng tạo dựng được niềm tin với khách hàng thì mới duy trì được sự gắn bó, lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu của mình. Để tạo lòng tin với khách hàng các ngân hàng cần phát triển và mở rộng năng lực vốn có của ngân hàng, chiếm ưu thế trên thị trường nhờ phát huy thế mạnh của mình.

#### 5.2.8 Nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh nghiệp vụ

Hoạt động kinh doanh của NHTM gồm nhiều đối tượng khác nhau thuộc hai nhóm tài sản Nợ và tài sản Có. Tuy nhiên ở đây chỉ đề cập 2 hoạt động cơ bản là huy động vốn và cho vay

- Nghiệp vụ huy động vốn

Trong chiến lược thu hút tiền gửi, nhằm tạo cho khách hàng thói quen sử dụng tài khoản qua ngân hàng cần phải xây dựng một hệ thống thanh toán điện tử rộng khắp. Đồng thời cần tạo thuận lợi tối đa cho khách hàng bằng cách cắt giảm những thủ tục rườm rà không cần thiết. Huy động vốn là nghiệp vụ tạo ra nguồn vốn chủ yếu (khoảng 70%) cho NHTM. Đây là cơ sở để tạo điều kiện phát triển các nghiệp vụ khác. Vì vậy, các NHTM cần chú trọng hiệu quả huy động vốn bằng các biện pháp sau:

Một là, có chính sách khách hàng phù hợp: khách hàng quan hệ lâu năm, có doanh số giao dịch lớn, đem lại sự hỗ trợ hay uy tín cho ngân hàng ... cần được đối xử đặc biệt theo hướng được ưu đãi, tăng thêm về lợi ích, tiện nghi và tôn trọng.

Hai là, nâng tỷ trọng nguồn vốn lãi suất thấp, giảm chi phí huy động vốn: nguồn vốn lãi suất thấp (tiền gửi không kỳ hạn, ký quỹ ...) hiện nay của ngân hàng khá thấp (25%/ nguồn vốn huy động) cần được cải thiện.

Ba là, nâng cao kỹ năng giao tiếp, phục vụ khách hàng: ngoài kiến thức chuyên môn, cần tập huấn cho nhân viên kỹ năng. Tâm lý trong giao tiếp làm hài lòng khách hàng nhằm tạo ấn tượng, tình cảm... giữ khách hàng gắn bó với ngân hàng.

Bốn là, cung cấp tối đa các tiện ích, thuận lợi cho khách hàng: cải tiến qui trình nghiệp vụ, rút ngắn thời gian chờ theo hướng nhiều kênh phục vụ với qui trình một cửa. Cần ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ khách hàng theo phương thức tự phục vụ của hệ thống ngân hàng internet, điện thoại ...

Năm là, mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng gửi, rút và thanh toán tiền: mở phòng giao dịch tại các khu dân cư tập trung ở các tỉnh, thành phố lớn để khai thác nguồn vốn nhàn rỗi, phục vụ gửi, rút, thanh toán tiền tại nhiều nơi...

Sáu là, nâng cao chất lượng: dịch vụ cung cấp phải chính xác, tin cậy và nhanh chóng.

Bảy là, nâng tỷ trọng huy động vốn trung, dài hạn: hiện nay vốn huy động trung, dài hạn của NHTM chiếm tỷ trọng rất thấp gây nhiều trở ngại trong việc tài trợ trung, dài hạn.

Tám là, thực hiện các hoạt động marketing để thông tin, thu hút khách hàng.

Chín là, xây dựng hình ảnh và nâng cao uy tín đối với công chúng: bằng cách thức phục vụ chuyên nghiệp, cơ sở vật chất nơi giao dịch khang trang, sạch sẽ ...

Mười là, đa dạng hoá các loại hình tiền gửi: ngoài các loại hình hiện hữu, nên nghiên cứu triển khai loại hình tiền gửi góp theo định kỳ hàng tháng, quý với số tiền cố định hoặc không cố định.

- Nghiệp vụ tín dụng

Tín dụng vẫn là hoạt động chính của NHTM. Nâng cao chất lượng tín dụng không chỉ có ý nghĩa tăng thu nhập, giảm nợ quá hạn khó đòi đối với NHTM, mà quan trọng hơn là đảm bảo vốn ngân hàng đầu tư đúng hướng, có hiệu quả góp phần tích cực thúc đẩy nền kinh tế tích cực phát triển. Quá trình mở rộng và tăng trưởng tín dụng phải gắn liền với hiệu quả tín dụng. Vì vậy, cần chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng bằng một số biện pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, tăng cường năng lực thẩm định, quản lý hoạt động kinh doanh tín dụng bằng cách: Rà soát lại qui trình nghiệp vụ tín dụng từ khâu tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng cho đến khi hoàn tất hồ sơ. Ngoài ra, cần xây dựng một đội ngũ cán bộ ngân hàng tinh thông về nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Từng bước chuẩn hoá cán bộ ngân hàng, chú trọng đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nhất là cán bộ tín dụng.

Thứ hai, gấp rút xử lý nợ xấu để cải thiện tình hình tài chính, nâng cao tính an toàn, hiệu quả hoạt động tín dụng. Muốn vậy, Ngân hàng phải thực hiện chặt chẽ quy trình cho vay, chấn chỉnh và thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời rủi ro tín dụng, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh phòng ngừa rủi ro hữu hiệu và có giải pháp xử lý rủi ro thích hợp. Song song với việc phân loại nợ, cần nhanh chóng phối hợp với các công ty mua bán nợ của các ngân hàng và công ty mua bán nợ của Bộ Tài chính để nhanh chóng làm sạch bảng cân đối. Đây là biện pháp mà các NHTM Trung Quốc đã thực hiện và đạt được kết quả.

Thứ ba, đa dạng hoá hoạt động cho vay đối với các thành phần kinh tế: nhằm phân tán rủi ro, tăng cường an ninh tín dụng ... với việc điều chỉnh cho phù hợp thực tế các tiêu chí sau: mở rộng đối tượng cho vay; áp dụng điều kiện cho vay thông thoáng; đa dạng hoá phương thức, đối tượng cho vay; lãi suất cho vay hợp lý; hạn mức cho vay hợp lý; mở rộng phạm vi địa bàn cho vay.

#### 5.2.9 Tăng cường liên minh liên kết

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, các NH trong nước sẽ không còn được sự bảo hộ nào từ Chính phủ. Như vậy, muốn tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh hội nhập quốc tế, các NHTM Việt Nam phải tăng cường liên kết với nhau thông qua tổ chức nghề nghiệp của mình là Hiệp hội NHVN để tạo thành sức mạnh của cộng đồng.

Hợp tác với các đối tác chiến lược để thông qua đó khai thác thế mạnh của các bên, cung ứng dịch vụ ngân hàng cho các công ty trong lĩnh vực thương mại, đầu tư và tài chính ... Đó cũng là hướng được nhiều NHTM đặt ra trong chiến lược kinh doanh của mình. Ngay cả khi có những mâu thuẫn về lợi ích, các ngân hàng nội địa cũng cần phải có sự phối hợp với nhau thì mới có đủ năng lực để cạnh tranh đối với các NHNNg.

Liên kết các NHTM được nhắc đến như một giải pháp cho việc tăng qui mô nguồn vốn, nhưng không chỉ có vậy, liên kết các NHTM còn đem lại cho NHTM tính hiệu quả về mặt chi phí, nhân sự và thị phần.

Định hướng và giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả liên kết kinh tế của các NHTM Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

Thứ nhất, về nhận thức, cần thống nhất coi tăng cường liên kết, nhất là hợp tác chiến lược toàn diện giữa các ngân hàng với các ngân hàng và các doanh nghiệp phi ngân hàng trong và ngoài nước là một tất yếu, khách quan, nên được nghiên cứu, sử dụng phù hợp với chiến lược phát triển và kinh doanh của từng ngân hàng; đồng thời, cần lưu ý điều chỉnh tư duy trong cạnh tranh ngân hàng, chuyển từ coi việc cạnh tranh chỉ là việc phải tiêu diệt và chiến thắng đối thủ cạnh tranh bằng mọi cách sang kiểu

cuộc cạnh tranh “cả hai đều thắng”, tức kiểu cạnh tranh kết hợp với hợp tác mà qua đó cả hai đều có thể cùng tồn tại, mạnh lên và đều thu được lợi ích riêng phù hợp với mục tiêu phát triển của mình.

Thứ hai, trong điều kiện chưa có các cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng để điều chỉnh quan hệ liên kết kinh tế ở nước ta, trước khi tiến hành ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện, mỗi ngân hàng nên có sự nghiên cứu sâu, kỹ về đối tác liên kết, kể cả các mối quan hệ liên kết của đối tác này với các doanh nghiệp, ngân hàng khác để có thể trao đổi cởi mở, thẳng thắn, đưa ra các điều kiện, điều khoản quy định cho phép giảm thiểu rủi ro và ràng buộc chặt chẽ hai bên toàn tâm, toàn sức thực hiện sự liên kết, hợp tác chiến lược và toàn diện một cách thực sự và thực chất.

Thứ ba, trong liên kết giữa các ngân hàng với nhau nên quan tâm và có thể đồng thời thực hiện cả hai hướng:

Một là, Liên kết, hợp tác đa phương, nghĩa là liên kết một ngân hàng với nhiều ngân hàng nhằm hợp sức giải quyết những vấn đề lớn, có ảnh hưởng và khả năng đáp ứng nhu cầu và đem lại lợi ích cho nhiều ngân hàng, thí dụ việc tham gia liên minh thế, tiến đến xây dựng tập đoàn tài chính ...

Hai là, liên kết, hợp tác song phương, là sự liên kết giữa một ngân hàng này với một ngân hàng khác trong một hoặc nhiều lĩnh vực mà cả hai bên quan tâm và có khả năng hỗ trợ cho nhau.

Thứ tư, trong liên kết dưới hình thức hợp tác chiến lược giữa một ngân hàng với các doanh nghiệp phi ngân hàng nên lưu ý tìm kiếm, xác định doanh nghiệp đối tác và những lĩnh vực mà doanh nghiệp thực sự có thế mạnh và có khả năng đáp ứng một hoặc một số yêu cầu mà ngân hàng đang cần hợp tác sử dụng. Để nâng cao tính khả thi, hiệu lực hiệu quả hợp tác chiến lược, trong đàm phán và ký kết thỏa thuận liên kết cần nêu rõ và giám sát thực hiện điều kiện có tính tiên quyết là doanh nghiệp đối tác đồng thuận coi ngân hàng này là đối tác duy nhất trong lĩnh vực hai bên đã cùng lựa chọn và thỏa thuận hợp tác để tránh trường hợp cùng một lúc doanh nghiệp đó đem một lợi thế đi liên kết, chia sẻ cho nhiều ngân hàng.

Thứ năm, liên kết kinh tế, đặc biệt là dưới hình thức hợp tác chiến lược là một quá trình lâu dài, phức tạp, nếu không được theo dõi, đôn đốc, các kết quả và hiệu quả hợp tác sẽ bị hạn chế; mặt khác, trong quá trình thực hiện, luôn có thể phát sinh nhiều vấn đề mới cần được kịp thời giải quyết. Do vậy, ngay sau khi ký thỏa thuận hợp tác, các bên đối tác cần tiến hành xây dựng chương trình hành động tổng thể, trong đó, có xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và những kết quả dự kiến cho từng giai đoạn cụ thể, 5 năm, 3 năm hoặc hằng năm và trách nhiệm, quyền hạn, lợi ích tương ứng của

mỗi bên; đồng thời, nên thành lập một Ban công tác gồm các thành viên của các bên tham gia để thường trực theo dõi, điều phối, đôn đốc các hoạt động và xử lý những vấn đề phát sinh thường ngày (Ban này chịu trách nhiệm báo cáo, đề xuất giải pháp xử lý đối với những vấn đề lớn vượt thẩm quyền của Ban cho cấp lãnh của hai bên xem xét quyết định). Định kỳ (6 tháng/hàng năm,...) các bên đối tác nên họp bàn, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nội dung thỏa thuận hợp tác để kịp thời có những bổ sung, điều chỉnh cần thiết.

Thứ sáu, liên doanh liên kết với các ngân hàng nước ngoài. Xu hướng tìm kiếm đối tác để hợp tác chiến lược giữa các NHTM Việt Nam và các ngân hàng nước ngoài cũng là hình thành và có xu hướng phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc khuyến khích và mở rộng việc tham gia của các ngân hàng nước ngoài, tập đoàn tài chính quốc tế, các tập đoàn lớn trong nước, mua cổ phần, trở thành cổ đông chiến lược của các NHTMCP của Việt Nam là hết sức cần thiết, để thúc đẩy cải cách hơn nữa và minh bạch thực sự các hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh của khối NHTM này.

#### *5.2.10 Xây dựng các tập đoàn tài chính, ngân hàng cấp khu vực và thế giới.*

Để ngân hàng thương mại Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới, Việt Nam cần phải xây dựng các tập đoàn tài chính, ngân hàng cấp khu vực và thế giới trên cơ sở của các NHTM hàng đầu Việt Nam.

Trước mắt có thể tập trung phát triển ngân hàng Công Thương Việt Nam, ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thành một tập đoàn tài chính, ngân hàng có tầm cỡ, có năng lực quản trị, điều hành theo chuẩn mực và mô hình theo tiêu chuẩn quốc tế.

### **6. Kiến nghị đối với các cơ quan quản lý Nhà nước**

#### *6.1. Nâng cao vị thế độc lập và cơ cấu lại tổ chức bộ máy của NHNN*

Quốc hội vừa mới ban hành luật NHNN số 46/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và có hiệu lực ngày 01/01/2011. Tuy có nhiều điểm đổi mới, song không có nhiều điểm mới đột phá về tính độc lập của NHNN trong việc hoạch định và thực thi CSTT quốc gia. Tuy nhiên cũng phải nhấn mạnh rằng, tính độc lập của NHNN Việt Nam đang dần được cải thiện:

- Điều 3 luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 29/06/2010 quy định “**Thống đốc NHNN quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu CSTT quốc gia theo qui định của Chính phủ**”.

- Điều 10 luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 29/06/2010 cũng nêu rõ: “Thông đốc NHNN quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ, biện pháp khác theo qui định của Chính phủ”.

Đây là điểm mới nhất trong luật NHNN năm 2010 xét trên khía cạnh độc lập tự chủ của NHNN. NHNN sẽ có được sự linh hoạt và độc lập nhất định trong khâu thực hiện các mục tiêu đề ra của chính sách tiền tệ.

Từ nay đến năm 2020, nhằm ổn định thị trường tài chính tiền tệ nói chung và đạt được hiệu quả trong thực thi CSTT thì tăng cường tính độc lập cho NHNN là mục tiêu cần hướng tới. Vấn đề đặt ra là với điều kiện thực tiễn về thể chế chính trị – kinh tế – xã hội của Việt Nam, nhằm tăng tính độc lập của NHNN cần theo một lộ trình phù hợp như sau:

Trong ngắn hạn, nhằm tăng tính độc lập của NHNN trong khuôn khổ các quy định của luật NHNN 2010, cần phải tập trung các vấn đề sau: NHNN cần độc lập hơn trong quan hệ với ngân sách; NHNN phải thực sự được độc lập trong quyết định thực thi chính sách và việc lựa chọn công cụ điều hành; cần thiết lập các qui định pháp lý về mối quan hệ giữa NHNN với Chính phủ nhằm đảm bảo hoạt động của NHNN hỗ trợ tốt cho các chương trình kinh tế của Chính phủ; nâng cao tính độc lập và tự chủ của NHNN đối với các mục tiêu và quyết định chính sách phải đi kèm với trách nhiệm giải trình đầy đủ và minh bạch.

Trong dài hạn có thể hướng tới: Một là, tăng cường tính độc lập về mặt tổ chức nhân sự của NHNN (sau khi NHTU chuyển sang mô hình độc lập với Chính phủ vào năm 2020). Theo đó, nhiệm kỳ của ban lãnh đạo NHNN xen kẽ giữa các nhiệm kỳ của Chính phủ hoặc có thể dài hơn nhiệm kỳ của Chính phủ. Như vậy, Thống đốc NHNN sẽ không bị ảnh hưởng một khi Chính phủ thay đổi nhân sự do hết nhiệm kỳ; quá trình ra quyết định của NHNN sẽ không bị ảnh hưởng bởi chu kỳ lập kế hoạch kinh tế, chu kỳ thành lập Chính phủ. Hai là, thực hiện chính sách lạm phát mục tiêu (Ngân hàng Nhà Nước thông báo một số mục tiêu trung và dài hạn về lạm phát và Ngân hàng Nhà nước cam kết đạt được mục tiêu này). Muốn vậy, Ngân hàng Nhà nước phải có quyền tự mình đặt ra các công cụ chính sách tiền tệ và theo đuổi lạm phát mục tiêu.

## 6.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngân hàng

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngân hàng là một nhiệm vụ cấp bách trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, cần tổ chức và triển khai công tác rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp luật hiện hành để tiến hành sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản mới cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Vừa qua, với Luật NHNN (sửa đổi) và

Luật các TCTD (sửa đổi) được Quốc hội thông qua tháng 6 năm 2010, có thể thấy khuôn khổ thể chế và quy định đối với hoạt động của NHNN Việt Nam và hệ thống ngân hàng đã tương đối hoàn thiện.

Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về ngân hàng trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau:

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy định về hướng dẫn và quản lý các dịch vụ phái sinh và các quy định liên quan đến các phương thức cung cấp dịch vụ ngân hàng qua biên giới, tiêu dùng ở nước ngoài và hiện diện thể nhân, quy định về các dịch vụ ngân hàng mới như các sản phẩm phái sinh, các dịch vụ ủy thác, các hoạt động ngân hàng điện tử ...

- Để đảm bảo tính tiên liệu của chính sách cần xác định rõ lộ trình mở cửa thị trường với các mốc thời gian cụ thể. Cơ chế chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước cần được ban hành kịp thời, phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế về lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Hoàn thiện các quy định cải cách hệ thống kế toán ngân hàng phù hợp chuẩn mực kế toán quốc tế, các quy định liên quan tới quản lý ngoại hối, các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt. Đặc biệt là các quy định về hình thức pháp lý, phạm vi hoạt động và loại hình dịch vụ được phép cung cấp của các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

- Cần chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng các quy định về cấp phép hiện diện thương mại, về tổ chức, hoạt động, quản trị, điều hành của các ngân hàng trong và ngoài nước hướng tới nguyên tắc không phân biệt đối xử, phù hợp với lộ trình các cam kết gia nhập WTO.

- Hoàn thiện và tạo lập môi trường pháp lý bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng của các NHTM theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

### **6.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng**

Tăng cường quản lý và giám sát là chìa khóa để ngăn chặn khủng hoảng và NHTU đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của quản lý và giám sát. Hiện nay NHNN mới chú trọng chức năng quản lý Nhà nước với tư cách là bộ chủ quản chứ chưa thực hiện tốt chức năng NHTU trong việc đảm bảo an ninh tài chính cho hệ thống ngân hàng. Nhiều hoạt động của NHNN dựa trên các quy định và thanh tra, kiểm tra theo các nguyên tắc hành chính và pháp lý, ít dựa trên các nguyên tắc thị trường như thực hiện chức năng người cho vay cuối cùng, chiết khấu và tái chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở để đảm bảo tính thanh khoản cho các NHTM ... Theo đó, Thanh tra Ngân hàng vẫn nặng nề về xét khiếu nại tố cáo và chống tham nhũng, chưa

tập trung đúng mức đến thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động của các TCTD nên tác dụng của thanh tra còn hạn chế. Hoạt động của Thanh tra ngân hàng là nhằm góp phần bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, phục vụ việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống thanh tra giám sát tài chính ngân hàng là một quá trình liên tục, có trọng tâm, trọng điểm ở từng thời kỳ, song nhất thiết nó phải nằm trong khuôn khổ một kế hoạch, một chiến lược tổng thể và phải quán triệt năm nguyên tắc và quan điểm giám sát tài chính là: Một là, thường xuyên, liên tục. Hai là, luôn luôn đổi mới cho phù hợp, tránh xơ cứng. Ba là, vì sự phát triển của đối tượng được thanh tra giám sát. Quy trình và tiêu chí giám sát cần được thiết kế dựa trên lợi ích của đối tượng được thanh tra giám sát, không được vì lợi ích của người giám sát mà gây phiền hà, tăng chi phí quá mức, ảnh hưởng xấu tới hoạt động sản xuất kinh doanh của đối tượng được thanh tra giám sát. Bốn là, đảm bảo tính hệ thống, nghĩa là cần có sự phối kết hợp một cách biện chứng và logic giữa những người thực hiện thanh tra giám sát, giữa những phương pháp thanh tra giám sát và giữa những đối tượng được thanh tra giám sát nhằm tạo nên một chỉnh thể có mối liên hệ mật thiết với nhau, vừa không bỏ sót, vừa tránh chồng chéo, đồng thời nâng cao hiệu quả của thanh tra giám sát tài chính. Năm là, kết hợp nhuần nhuyễn tính đặc thù và tính quốc tế, không thể tách rời hoàn cảnh thực tế của mỗi quốc gia.

Theo sự đánh giá của tổ chức CIDA trong khuôn khổ dự án hợp tác về cải cách ngân hàng Việt Nam thì hoạt động giám sát của NHNN mới chỉ đáp ứng được 6 trong tổng số 25 nguyên tắc giám sát của Basel. Các nguyên tắc giám sát mà NHNN đã đáp ứng được liên quan đến hoạt động giám sát đối với việc chuyển đổi quyền sở hữu của NHTM (nguyên tắc 4), các cuộc sáp nhập lớn của các NHTM (nguyên tắc 5), tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn tối thiểu (nguyên tắc 6), giới hạn tín dụng đối với khách hàng lớn (nguyên tắc 10), rủi ro thanh khoản (nguyên tắc 14) và kiểm toán, kiểm soát nội bộ của NHTM (nguyên tắc 17).

Nhằm hoàn thiện hệ thống thanh tra giám sát tài chính ngân hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, tài chính và hội nhập quốc tế, cần giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, về tổ chức hệ thống thanh tra giám sát

Hệ thống tổ chức này phải đảm bảo sự phối hợp tốt giữa giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ để phát huy tốt nhất ưu thế của mỗi công cụ giám sát, đồng thời giải quyết hài hòa quyền lợi của các bên tham gia. Hiện nay, hệ thống tổ chức thanh tra giám sát tài chính của Việt Nam có nhược điểm lớn nhất của là thiếu tính hệ thống và chồng chéo.



Ngoài ra, chế độ thanh tra giám sát không thống nhất, vừa quá phức tạp vừa còn nhiều lỗ hổng làm cho các đối tượng được giám sát không muốn và khó có thể thực hiện nghiêm túc hay nếu có cũng chỉ là hình thức, đối phó, đồng thời người thanh tra giám sát không hoặc ít chịu trách nhiệm về công việc thanh tra giám sát của mình, hiếm khi chấp nhận và sử dụng kết quả thanh tra giám sát của nhau, vừa lãng phí về thời gian và tiền bạc, vừa giảm hiệu quả công tác thanh tra giám sát tài chính.

Hệ thống thanh tra giám sát tài chính ngân hàng cần làm ngay các việc sau: Một là, thống nhất chế độ và quy trình thanh tra giám sát tài chính trên cơ sở đơn giản và khả thi, cần nghiên cứu ban hành mẫu chuẩn báo cáo giám sát từ xa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam, từng bước nâng dần lên chuẩn mực quốc tế. Hai là, tổ chức lại hệ thống thanh tra giám sát tài chính ngân hàng theo nguyên tắc bao quát, tránh chồng chéo để các cơ quan thanh tra giám sát có thể sử dụng các kết quả thanh tra giám sát của nhau và chịu trách nhiệm về kết quả thanh tra giám sát của mình. Trong tương lai có thể thống nhất các cơ quan thanh tra giám sát tài chính trong một tổ chức giám sát độc lập tương đương cấp Bộ thuộc Chính phủ hoặc trực thuộc Quốc hội. Ba là, thiết lập quan hệ phối hợp giám sát tài chính quốc tế, trước hết là tích cực tham gia hệ thống giám sát chung ASEAN. Bốn là, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra giám sát tài chính cả về số lượng và chất lượng, sắp xếp lại cán bộ thanh tra giám sát trên cơ sở lựa chọn những người có trình độ nghiệp vụ cao, có phẩm chất đạo đức đi đôi với chế độ đãi ngộ tài chính đặc biệt (chế độ lương, thưởng...) để giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ một cách công tâm.

#### Thứ hai, về thiết lập hệ thống tiêu chí giám sát

Các tiêu chí giám sát phải bao quát, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn Việt Nam song không xa rời các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh việc tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh những chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam, các cơ quan giám sát tài chính hiện tại chủ động xây dựng các tiêu chí giám sát để tổng hợp trình ban hành thành hệ thống chung dưới dạng Nghị định của Chính phủ hoặc Nghị quyết của Quốc hội, tiến tới xây dựng Pháp lệnh hay Luật về giám sát tài chính. Chỉ có như vậy mới đảm bảo tính pháp lý của hệ thống các tiêu chí giám sát này. Trong quá trình xây dựng hệ thống tiêu chí giám sát nên chú ý tham khảo ý kiến rộng rãi của đối tượng bị giám sát, tránh tình trạng các tiêu chí phi thực tế, thiên về phục vụ lợi ích của người quản lý mà làm thiệt hại lợi ích của các đối tượng được giám sát. Các tiêu chí giám sát tài chính không dừng lại ở phản ánh hiện trạng, mức độ tuân thủ pháp luật tài chính hiện hành mà còn phải là cứ liệu quan trọng để điều chỉnh cơ chế chính sách tài chính cho phù hợp, đồng thời trợ giúp cho việc phân tích và dự báo xu hướng, sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ

khủng hoảng tài chính, tiền tệ. Trước mắt củng cố tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả thanh tra giám sát tại chỗ, đồng thời tập trung đẩy mạnh giám sát từ xa bằng các phương tiện kỹ thuật và phương pháp giám sát hiện đại, phù hợp chuẩn mực quốc tế, tăng cường phối hợp đồng bộ với các cơ quan chức năng có liên quan khác như thanh tra nhà nước, thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập, xếp hạng tín nhiệm ... để tránh chồng chéo và lãng phí nguồn lực.

Như vậy, thanh tra giám sát tài chính ngân hàng là quá trình toàn diện và liên tục, có mối liên hệ chặt chẽ với các văn bản pháp quy, chính sách và cơ chế tài chính, tiền tệ và tín dụng, nên bản thân các văn bản này cũng phải được xây dựng một cách đồng bộ để không làm giảm hiệu lực và hiệu quả của thanh tra giám sát tài chính ngân hàng. Xây dựng quy trình thanh tra giám sát gắn với quy trình ban hành cơ chế chính sách, triển khai thực hiện, phản hồi và điều chỉnh chính sách.

Ngoài ra, cần phải áp dụng các qui định của BASEL trong giám sát các hoạt động ngân hàng. Khi thực hiện hội nhập với kinh doanh ngân hàng và khu vực, việc áp dụng các chuẩn mực chung trong việc quản lý hoạt động của các ngân hàng và định chế tài chính hiện đã và đang được Ủy ban BASEL giới thiệu là điều không tránh khỏi. Điều này sẽ tạo sự tương đồng trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của các ngân hàng, định chế tài chính nước ngoài tại Việt Nam cũng như tạo điều kiện cho các ngân hàng và định chế tài chính Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong quá trình mở rộng hoạt động của mình ra khu vực và thế giới.

#### *6.4. Xây dựng trung tâm tài chính, ngân hàng khu vực và thế giới*

Việt Nam cần phải tiến hành việc xây dựng trung tâm tài chính, ngân hàng mang tính khu vực và và thế giới ngang tầm với các trung tâm tài chính – ngân hàng lớn như Tokyo, London ... nhằm để phục vụ cho nhu cầu mở rộng phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới cũng như gia tăng cạnh tranh trong hoạt động xuất khẩu các dịch vụ tài chính ra khu vực và thế giới.

Để đón đầu trong giai đoạn phát triển đến 2020 thì việc xây dựng trung tâm tài chính, ngân hàng là việc rất cần thiết để cung cấp các dịch vụ tài chính quốc tế và cũng như để khai thác các lợi thế về địa lý, kinh tế, chính trị của Việt Nam.

#### *6.5. Cải cách hệ thống kế toán NH theo các chuẩn mực kế toán quốc tế*

Hệ thống kế toán ngân hàng cần được cải cách theo các chuẩn mực kế toán quốc tế, đặc biệt là các vấn đề phân loại nợ theo chất lượng, mức độ rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro, hạch toán thu nhập chi phí.

Tiếp tục hoàn thiện quy chế kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ quan kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Việt Nam cần phải áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) hiện đang phổ biến trên thế giới nhằm tạo điều kiện cho các NHTM Việt Nam hội nhập với khu vực cũng như thế giới. Các tổ chức tài chính quốc tế, các NHTM, các nhà đầu tư, khách hàng của các NHTM Việt Nam có thể đánh giá đúng đắn và chính xác về thực trạng kinh doanh và mức độ an toàn của các ngân hàng khi đưa vào sử dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế trong quá trình lập các báo cáo tài chính của các NHTM Việt Nam. Điều này cũng giúp Ngân hàng Nhà nước phản ứng với thị trường một cách hiệu quả.

#### *6.6. Đẩy mạnh thông tin tín dụng nhằm xây dựng một hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn hiệu quả và phát triển bền vững trong giai đoạn mới*

Không phải mọi thông tin đều có thể công khai công bố, đặc biệt là trong hoạt động ngân hàng. Nhưng càng minh bạch thông tin, đảm bảo tính cập nhật, độ chuẩn xác, sẽ càng củng cố được niềm tin của khách hàng. Chỉ khi có được hệ thống thông tin tốt, minh bạch, niềm tin sẽ tăng lên. Cần quy định cơ chế cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời với hệ thống dữ liệu đầy đủ, cập nhật, điều này không chỉ phục vụ cho công tác dự báo và phân tích mà còn phục vụ cho việc điều chỉnh cơ chế chính sách sát với yêu cầu thực tiễn. Thực tế do thiếu thông tin, hoặc thông tin không đầy đủ, đã có chỗ để tin đồn tồn tại, làm đảo lộn thị trường.

Thông tin tín dụng và thông tin xếp hạng tín dụng là một trong những lá chắn, công cụ đặc lực hỗ trợ các ngân hàng, các định chế tài chính, các doanh nghiệp và nhà đầu tư ngăn ngừa hạn chế rủi ro. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động thông tin tín dụng và xếp hạng tín dụng là rất cần thiết, là chìa khóa, là công cụ đặc lực giúp các ngân hàng, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư đánh giá, lựa chọn ra những doanh nghiệp xứng đáng có khả năng cao trong việc sử dụng các nguồn lực hiện có để đầu tư. Hạn chế việc đầu tư các nguồn lực đó vào tay các doanh nghiệp yếu kém để gây lãng phí, thất thoát. Vì vậy, nghiên cứu để hoàn thiện, phát triển cơ quan thông qua tin tín dụng, xếp hạng tín dụng ở VN hiện nay là hết sức cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

Cần thiết phải thành lập các tổ chức xếp hạng tín nhiệm chuyên nghiệp. Điều này sẽ giúp cho các NHTM có được những tham chiếu mang tính thị trường. Giảm thiểu tình trạng đánh giá sai về khả năng cũng như ý nguyện thực hiện các cam kết thanh toán của các chủ thể vay nợ trong nền kinh tế. Với sự ra đời của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm chuyên nghiệp sẽ giúp thị trường tham gia chặt chẽ hơn vào quá trình giám sát hoạt động của các NHTM, đặc biệt là các NHTM có dấu hiệu làm ăn yếu kém. Chi

phí hoạt động của các NHTM cũng như của các doanh nghiệp sẽ bị đẩy lên cao khi bị thị trường đánh giá là có nguy cơ rủi ro cao. Ngoài ra, khi xuất hiện các tổ chức này, các nhà đầu tư tự do trong nước cũng như các nhà đầu tư nước ngoài sẽ có thêm những nguồn thông tin đáng tin cậy khi ra các quyết định đầu tư trên thị trường.

### *6.7 Cải cách điều hành chính sách tiền tệ của NHNN trong môi trường hội nhập*

Hội nhập quốc tế tạo cơ hội để nâng cao hơn nữa hiệu quả và năng lực điều hành CSTT; cơ chế kiểm soát tiền tệ, tỷ giá, lãi suất phải được đổi mới dựa trên cơ sở thị trường. Đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước phải có những bước đi thích hợp phù hợp với quá trình mở cửa, cải cách và hội nhập của hệ thống tài chính, ngân hàng trong quá trình chuyển đổi này, bởi vì tự do hoá thị trường tài chính và việc đổi mới công tác điều hành chính sách tiền tệ có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tự do hoá thị trường tài chính, tạo điều kiện quan trọng để chuyển sang một khuôn khổ CSTT trên cơ sở thị trường hơn. Đồng thời tạo sự hiệu ứng nhanh của thị trường trước những thay đổi các điều kiện thị trường tiền tệ quốc tế và trong nước nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của chính sách tiền tệ.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy, điều hành CSTT đối với NHNN trong điều kiện hội nhập quốc tế cũng đặt ra những thách thức nhất định: Một là, hệ thống ngân hàng trong nước cũng phải đối mặt lớn hơn với rủi ro khủng hoảng, các cú sốc kinh tế tài chính, khu vực, sự lây truyền của khủng hoảng. Việc mở cửa thị trường tài chính nội địa sẽ làm tăng rủi ro thị trường do các tác động từ bên ngoài, hạn chế khả năng tận dụng chênh lệch lãi suất, tỷ giá giữa thị trường quốc tế và trong nước. Hai là, quá trình hoạch định chính sách của NHNN sẽ bị ảnh hưởng bởi những diễn biến trên thị trường hàng hoá và tài chính toàn cầu, cần xem xét tới trong điều hành các công cụ CSTT khi có sự chênh lệch giữa lãi suất nước ngoài và lãi suất trong nước. Ba là, để đưa ra quyết định kịp thời các chính sách cần thiết để giảm thiểu những tác động bất lợi đối với nền kinh tế và hệ thống tài chính trong nước, NHNN sẽ phải đặc biệt quan tâm đến công tác dự báo, nghiên cứu, xác định những biến động trên thị trường quốc tế có khả năng ảnh hưởng tới thị trường tài chính trong nước.

Hiện nay, có thể nói, hội nhập kinh tế quốc tế gây ra không ít thách thức cho điều hành CSTT của NHNN Việt Nam. Vì vậy, đòi hỏi NHNN phải có những giải pháp và bước đi thích hợp: Thứ nhất, để tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập của hệ thống Ngân hàng Việt Nam, NHNN cần thúc đẩy việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và các qui định về an toàn; phát triển hệ thống thanh toán; nâng cao tính minh bạch ... Thứ hai, vì hội nhập quốc tế làm giảm tính độc lập của chính sách tiền tệ nếu như tỷ giá không được tự do hoá trong điều kiện tài khoản vốn được nối lỏng, do đó cơ chế điều hành tỷ giá phải linh hoạt hơn. Thứ ba, chuyển điều hành CSTT đa mục tiêu thành

CSTT theo đuổi một mục tiêu duy nhất là ổn định giá cả. Do vậy, cần phải từng bước thiết lập những điều kiện cần thiết để thực thi khuôn khổ chính sách tiền tệ “lạm phát mục tiêu”.



**TTBD ĐBDC**